

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Nguyễn Minh Đức

**CÔNG TY LUẬT HỢP DANH
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2018

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Nguyễn Minh Đức

**CÔNG TY LUẬT HỢP DANH
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8.38.01.07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. NGUYỄN QUÝ TRỌNG

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận văn

Nguyễn Minh Đức

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành tốt bài luận văn nghiên cứu với đề tài: “***Công ty luật hợp danh theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh***” cùng với sự nỗ lực cố gắng của bản thân, em xin bày tỏ lời cảm ơn sâu sắc đến TS. Nguyễn Quý Trọng đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ em hoàn thành đề tài luận văn tốt nghiệp.

Đồng thời, Em cũng xin cảm ơn các Thầy cô giáo khoa Luật trường Đại học luật Hà Nội, các Thầy cô giáo phụ trách giảng dạy chuyên ngành Luật Kinh tế, Học viện Khoa học – xã hội Việt Nam, Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học luật Thành phố Hồ Chí Minh, Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, Tổng cục thống kê, Bộ Tư pháp, các Anh chị đồng nghiệp, gia đình và các bạn đã tận tình giúp đỡ, chỉ bảo, đóng góp ý kiến quý báu, tạo điều kiện thuận lợi cho Em hoàn thành đề tài luận văn này.

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2018

Tác giả luận văn

Nguyễn Minh Đức

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TY LUẬT HỢP DANH VÀ PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY HỢP DANH	10
1.1. Khái quát về công ty luật hợp danh	10
1.1.1. Nhận diện công ty luật hợp danh	10
1.1.2. Sự tương đồng và khác biệt giữa công ty luật hợp danh với các tổ chức hành nghề luật sư khác	13
1.1.3. Những yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động của công ty luật hợp danh	16
1.2. Pháp luật về công ty luật hợp danh ở Việt Nam	19
1.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển pháp luật về công ty luật hợp danh	19
1.2.2. Nguồn luật điều chỉnh hoạt động công ty luật hợp danh	23
1.2.3. Khái niệm và nội dung chủ yếu của pháp luật về công ty luật hợp danh	26
Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY LUẬT HỢP DANH VÀ TỰ THỰC TIỄN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	29
2.1. Các quy định chủ yếu của pháp luật về công ty luật hợp danh	29
2.1.1. Thành lập và đăng ký hoạt động của công ty luật hợp danh	29
2.1.2. Tổ chức, quản lý công ty luật hợp danh	30
2.1.3. Quyền và nghĩa vụ của công ty luật hợp danh	34
2.1.4. Thành viên công ty	36
2.1.5. Hợp nhất, sáp nhập công ty luật hợp danh	38
2.1.6. Chấm dứt hoạt động của công ty luật hợp danh	40
2.1.7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về luật sư và tổ chức hành nghề luật sư	41

2.1.8. Một số nhận xét, đánh giá	42
2.2. Thực trạng pháp luật về công ty luật hợp danh tại thành phố Hồ Chí Minh.....	44
2.2.1. Các điều kiện thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng tới thực tiễn áp dụng pháp luật về công ty luật hợp danh tại thành phố Hồ Chí Minh	44
2.2.2. Một số kết quả đạt được	49
2.2.3. Một số khó khăn, vướng mắc	54
2.2.4. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập	57
Chương 3: NHỮNG YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY LUẬT HỢP DANH Ở VIỆT NAM	61
3.1. Những yêu cầu của việc hoàn thiện pháp luật về công ty luật hợp danh	61
3.1.1. Việc hoàn thiện pháp luật về công ty luật hợp danh phải đáp ứng yêu cầu của điều kiện cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa	61
3.1.2. Hoàn thiện pháp luật trên cơ sở phải nâng cao nhận thức đầy đủ và đúng đắn hơn nữa vị trí, vai trò của luật sư trong hoạt động tư pháp	62
3.1.3. Nâng cao phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn, tính chuyên nghiệp của luật sư và phát triển đội ngũ luật sư là một trong những yêu cầu trong việc hoàn thiện pháp luật về công ty luật hợp danh	64
3.1.4. Hoàn thiện pháp luật về công ty luật hợp danh phải phù hợp với tính chất nghề nghiệp luật sư và thông lệ quốc tế	66
3.2. Những giải pháp hoàn thiện pháp luật về công ty luật hợp danh	67
3.2.1. Những giải pháp chung	67
3.2.2. Những giải pháp cụ thể	70
KẾT LUẬN	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CPTPP	Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
CTCP	Công ty cổ phần
CTLHD	Công ty luật hợp danh
CTLTNHH	Công ty luật trách nhiệm hữu hạn
CTHD	Công ty hợp danh
DN	Doanh nghiệp
HDTV	Hội đồng thành viên
ITC	Trung tâm thương mại quốc tế
LLS	Luật Luật sư
LHD	Luật hợp danh
TCHNLS	Tổ chức hành nghề luật sư
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TVHD	Thành viên hợp danh
TPP	Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương
UBND	Ủy ban nhân dân
XHCN	Xã Hội Chủ Nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quá trình đổi mới toàn diện đất nước đòi hỏi bộ máy nhà nước, trong đó có hệ thống tư pháp phải đổi mới cho phù hợp. Cải cách tư pháp là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong những năm qua, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đã có nhiều nghị quyết về hoàn thiện nhà nước và pháp luật, trong đó có một số nghị quyết về đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp như Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII); Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII); Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII); Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX; Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) "về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới"; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về "Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020"; và gần đây là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII. Theo đó đổi mới hệ thống tư pháp từ tổ chức đến cơ chế hoạt động là nhằm xây dựng các cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ trật tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, góp phần thực hiện chủ trương của Đảng ta về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm hoàn thiện tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp nói chung đó là vấn đề đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan và tổ chức hỗ trợ tư pháp, trong đó đổi mới tổ chức và hoạt động luật sư là vấn đề trung tâm và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã chỉ rõ: Đào tạo, phát triển đội ngũ luật sư đủ về số lượng, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có trình độ chuyên môn.

Hoàn thiện cơ chế bảo đảm để luật sư thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên tòa, đồng thời xác định rõ chế độ trách nhiệm đối với luật sư. Nhà nước tạo điều kiện về pháp lý để phát huy chế độ tự quản của tổ chức luật sư; đề cao trách nhiệm của các tổ chức luật sư đối với thành viên của mình [4, tr. 6].

Trong hơn 30 năm đổi mới (1986 - 2018), kể từ khi cải cách tư pháp được khởi động, chúng ta đã có nhiều nỗ lực trong việc đổi mới tổ chức và hoạt động của luật sư, các tổ chức hành nghề luật sư. Các hoạt động của luật sư và các tổ chức hành nghề luật sư (công ty luật hợp danh, công ty luật trách nhiệm hữu hạn, Văn phòng luật sư) đã đáp ứng kịp thời một phần nhu cầu giúp đỡ pháp lý ngày càng cao của cá nhân, tổ chức; góp phần quan trọng trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo và các đương sự khác, phục vụ tích cực cho công cuộc cải cách tư pháp. Đồng thời góp phần từng bước tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi và tin cậy cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh, thương mại trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy nhiên, những kết quả đó mới là bước đầu, tổ chức và hoạt động luật sư, các tổ chức hành nghề luật sư còn bộc lộ nhiều hạn chế. Sự phát triển luật sư và các tổ chức hành nghề luật sư còn mất cân đối giữa các vùng, miền. Chất lượng đội ngũ luật sư và hiệu quả hoạt động của các tổ chức hành nghề luật sư hiện nay chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của cải cách tư pháp và hội nhập kinh tế quốc tế. Hoạt động luật sư và các tổ chức hành nghề luật sư chưa đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng tới sự phát triển của luật sư và các tổ chức hành nghề luật sư là do các quy định của pháp luật chưa thực sự minh bạch, thống nhất. Các quy định về luật sư, các tổ chức hành nghề luật sư, trong đó có công ty luật hợp danh vẫn bộc lộ những hạn chế, bất cập trên phương diện lý luận cũng như thực tiễn thi hành làm ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của công ty, của thành viên và của khách hàng. Bên cạnh

đó, có thể nhận thấy, các hoạt động của các tổ chức hành nghề luật sư, trong đó có công ty luật hợp danh thời gian qua chưa được quan tâm đúng mức, thực hiện chủ yếu theo kinh nghiệm, chưa được đầu tư nghiên cứu một cách cơ bản về lý luận, chậm tổng kết thực tiễn.

Xuất phát từ những đòi hỏi của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước và thực trạng tổ chức và hoạt động luật sư, của các tổ chức hành nghề luật sư ở nước ta, việc nghiên cứu thực hiện đề tài luận văn: "***Công ty luật hợp danh theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh***" là cần thiết, có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn. Thông qua việc nghiên cứu sẽ làm rõ thêm, bổ sung thêm cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn đối với công ty luật hợp danh nhằm từng bước hoàn thiện pháp luật về công ty luật hợp danh trong điều kiện cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước Pháp quyền XHCN ở Việt Nam.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Công ty nói chung, công ty luật hợp danh nói riêng không phải là vấn đề xa lạ, vấn đề mới trong pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia. Trong đó, công ty luật hợp danh đã được nhiều học giả trong và ngoài nước nghiên cứu ở những góc độ khác nhau và kết quả nghiên cứu khác nhau tùy thuộc vào mục đích, cách tiếp cận vấn đề.

2.1. Tình hình nghiên cứu ở ngoài nước

Các công trình nghiên cứu ở ngoài nước được đề cập trên các góc độ sau:

- Nghiên cứu về lý luận Quản trị công ty: cuốn sách Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), (2004), *Các nguyên tắc quản trị công ty của OECD*; Laura Empson (2007), *Managing the Modern Law Firm: New Challenges, New Perspectives*, Oxford university press; (*Quản trị công ty luật hiện đại: Những thách thức mới và viễn cảnh mới*).

- Nghiên cứu về nền tảng của vấn đề quản trị công ty luật. Vấn đề này được nghiên cứu trong công trình của Everett-Nollkamper, Pamela (2008), *Fundamentals of Law Office Management: Systems, Procedures and Ethics*, West Legal Studies Series (4th ed.) (Nền tảng của quản trị công ty luật: cơ chế, thủ tục và đạo đức). Tác giả Geoffrey C. Hazard, Jr. and Angelo Dondi (2004), *Legal Ethics: A Comparative Study*, Stanford University Press; (Đạo đức pháp lý: cách nhìn theo học thuyết so sánh) đề cập đến nền tảng hình thành và phát triển của các công ty luật dưới góc độ đạo đức của luật sư khi hành nghề; “Cội nguồn nghề luật: giáo sĩ, dân thường và Tòa án” của Brundage, James A. (2008), *The Medieval of the Legal Profession: Canonists, Civilians, and Courts*, University of Chicago Press.

- Nghiên cứu về quản trị tài chính và kế toán trong công ty Luật. Các công trình nghiên cứu của Laurie Young (2013), *Business Development for Law Firms; (Phát triển công ty Luật)* và Quinn, John P., Bailey, Joseph A., David E. Gaulin (2001), *Law firm accounting and financial management, third edition; (Quản trị tài chính và kế toán trong Công ty luật, phiên bản thứ 3)* đều quan tâm tới quản trị tài chính công ty luật bao gồm: trật tự quản lý, quản trị công ty luật về tài chính và kế toán trong đó phân tích lợi nhuận, tự quản, kế hoạch, dự án hay vấn đề về thuế,...hay những chính sách sáp nhập, mua bán...của các công ty luật đa quốc gia và xuyên quốc gia.

- Nghiên cứu về quản trị rủi ro. Các công trình nghiên cứu của David H Maister (1993), *Managing the Professional Service Firm; (Quản trị các Công ty dịch vụ chuyên nghiệp)* và Anthony E. Davis, Peter R. Jarvis (2007), *Risk Management: Survival Tools for Law Firms; (Quản trị rủi ro: Những công cụ/phương pháp sống còn của Công ty luật)*.

2.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam

Các công trình nghiên cứu về công ty, công ty luật ở Việt Nam bao gồm:

- Nghiên cứu về bản chất pháp lý của công ty luật. Các công trình nghiên cứu như: Ngô Huy Cương trong “*Giáo trình Luật Thương mại – Phần chung và thương nhân*”, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội (2013); Nguyễn Như Phát và Phạm Duy Nghĩa (2001), *Giáo trình Luật Kinh tế Việt Nam*, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, NXB Đại học Quốc gia; TS Nguyễn Quý Trọng & Ths Nguyễn Phụng Dương: “Công ty hợp danh – Công ty đối nhân đặc thù”, T/C Luật học số 07/2015.

- Nghiên cứu về hoạt động dịch vụ pháp lý, luật sư. Công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Văn Tuấn (2005): “*Dịch vụ pháp lý ở Việt Nam, thực trạng, nhu cầu và định hướng phát triển*”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ. Sách “*Đạo đức & kỹ năng của luật sư trong nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa*” do PGS TS Lê Hồng Hạnh (chủ biên), NXB Đại học sư phạm (2002) gồm 2 tập.

2.3. Một số nhận xét, đánh giá

Ngoài các công trình khoa học trong và ngoài nước liên quan đến đề tài nêu trên còn nhiều nghiên cứu khác về công ty, công ty luật và công ty luật hợp danh. Từ việc tiếp cận các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về công ty, công ty luật, tác giả nhận thấy: hoạt động nghiên cứu đạt được các kết quả cơ bản sau:

Thứ nhất, công ty luật là một mô hình công ty trong hệ thống các công ty theo quy định của hệ thống pháp luật quốc tế và quốc gia. Đối với công ty luật Việt Nam hiện nay được tổ chức theo mô hình công ty TNHH và công ty luật hợp danh. Hoạt động của luật sư được thực hiện dưới các hình thức khác nhau. Quy định của các nước có điểm tương đồng và có sự khác biệt khi thực hiện quyền, nghĩa vụ của luật sư trong quá trình hành nghề.

Thứ hai, một số vấn đề về công ty luật, trong đó có công ty luật hợp danh được tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau từ góc độ kinh tế, chính trị, lịch

sử hay góc độ pháp lý. Các công trình đã phân tích làm rõ những vấn đề lý luận về công ty luật, công ty luật hợp danh như: khái niệm, đặc điểm cũng như các thành tố tác động tới hiệu quả của công ty. Đồng thời, từ thực tiễn áp dụng về các quy định của pháp luật và thông lệ của các quốc gia đúc rút những bài học kinh nghiệm trong quản lý, điều hành công ty luật hợp danh.

Thứ ba, một trong những vấn đề mà các học giả quan tâm đó chính là đạo đức và các kỹ năng hành nghề luật trong điều kiện hội nhập quốc tế. Các tác giả đều cho rằng: đối với luật sư là thành viên hay người quản lý công ty luật hợp danh không chỉ là những người giỏi về chuyên môn mà cần nâng cao đạo đức nghề nghiệp - một trong những yêu cầu “cốt lõi” đảm bảo uy tín, sự tồn tại và phát triển bền vững của công ty luật. Đồng thời, các công trình khoa học cũng đề cập những đóng góp quan trọng trong định hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật về công ty, công ty luật hợp danh ở Việt Nam hiện nay.

Trên cơ sở tiếp thu, kế thừa những tư tưởng khoa học và một số vấn đề lý thuyết từ các công trình khoa học, luận văn tiếp tục tập trung giải quyết những vấn đề về công ty hợp danh chưa được các học giả tiếp cận hoặc đã được tiếp cận nhưng ở mức độ chưa sâu, chưa mang tính hệ thống trong các công trình nghiên cứu.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn có đối tượng nghiên cứu là : (i) Những vấn đề lý luận cơ bản về công ty, công ty luật hợp danh; (ii) Lịch sử hình thành, phát triển và nội dung của pháp luật hiện hành của Việt Nam về công ty luật hợp danh; (iii) Thực tiễn áp dụng các quy định về công ty luật hợp danh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận về công ty hợp danh, công

ty luật hợp danh từ khi Pháp lệnh Luật sư, Luật Doanh nghiệp năm 1999 ra đời đến nay. Trong đó, luận văn chủ yếu tập trung nghiên cứu về công ty luật hợp danh theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Luật sư năm 2006, được sửa đổi, bổ sung năm 2012 và thực tiễn áp dụng tại thành phố Hồ Chí Minh.

4. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

4.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn là nghiên cứu các vấn đề lý luận về công ty luật hợp danh và thực tiễn áp dụng công ty luật hợp danh tại thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó đúc rút những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của sự hạn chế bất cập về công ty luật hợp danh. Xác định yêu cầu và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về công ty luật hợp danh tại Việt Nam.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích trên, luận văn cần thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Nghiên cứu các vấn đề lý luận về công ty hợp danh, công ty luật hợp danh.
- Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về công ty luật hợp danh và thực tiễn áp dụng tại thành phố Hồ Chí Minh.
- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về công ty luật hợp danh trong điều kiện cải cách tư pháp ở Việt Nam.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn

5.1. Phương pháp luận

Luận văn sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chủ trương, chính sách của nhà nước về công ty hợp danh, công ty luật hợp danh.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận đó, luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu như, phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê; phương pháp luật học so sánh; phương pháp thống kê, phương pháp xã hội học pháp luật... Để thực hiện có hiệu quả mục đích nghiên cứu, luận văn kết hợp chặt chẽ giữa các phương pháp trong suốt quá trình nghiên cứu của toàn bộ nội dung luận văn. Tùy thuộc vào đối tượng nghiên cứu của từng chương, mục trong luận văn tác giả vận dụng, chú trọng các phương pháp khác nhau cho phù hợp.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Một là, tổng hợp, đánh giá kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học trong nước và ngoài nước liên quan đến đề tài. Xác định rõ mức độ những nội dung mà các công trình khoa học đã hoặc chưa đề cập làm cơ sở để luận văn tiếp tục tiếp cận, nghiên cứu ở mức độ chuyên sâu.

Hai là, làm rõ những vấn đề về lý luận, đưa ra những luận cứ khoa học quan trọng về công ty hợp danh, công ty luật hợp danh như: nhận diện công ty luật hợp danh, tổ chức quản lý công ty, những yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động của công ty luật hợp danh,...

Ba là, thực trạng pháp luật về công ty luật hợp danh tại thành phố Hồ Chí Minh, chỉ rõ những kết quả và những hạn chế, bất cập về công ty luật hợp danh. Đồng thời xác định được nguyên nhân của sự mất hạn chế về công ty luật hợp danh trên cơ sở lý luận và thực tiễn.

Bốn là, từ kết quả nghiên cứu, luận văn đưa ra yêu cầu và đề xuất những giải pháp hoàn thiện pháp luật về công ty luật hợp danh ở Việt Nam. Những giải pháp hoàn thiện pháp luật về CTLHD có giá trị tham khảo.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận văn gồm 3 chương. Cụ thể:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về công ty luật hợp danh và pháp luật về công ty luật hợp danh.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về công ty luật hợp danh và thực tiễn áp dụng tại thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 3: Những yêu cầu và giải pháp hoàn thiện pháp luật về công ty luật hợp danh ở Việt Nam.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TY LUẬT HỢP DANH VÀ PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY HỢP DANH

1.1. Khái quát về công ty luật hợp danh

1.1.1. Nhận diện công ty luật hợp danh

Ở Việt Nam lâu nay vẫn sử dụng các cụm từ "nghề luật sư", "nghề nghiệp luật sư" và "hành nghề luật sư". Thực ra gọi như vậy không hoàn toàn chính xác về mặt ngôn ngữ. Bởi vì, "luật sư" là một danh từ chỉ người, chứ không phải dùng để chỉ một nghề. Trong tiếng Anh người ta dùng "Lawyer" (luật sư) và "practice law" (hành nghề luật). Tuy nhiên, việc sử dụng các cụm từ "nghề luật sư" hay "nghề nghiệp luật sư" và "hành nghề luật sư" là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam, có thể chấp nhận được, bởi vì nếu dùng cụm từ "nghề luật" thì e rằng theo cách hiểu của ngôn ngữ Việt Nam sẽ quá rộng, không phải chỉ là việc bào chữa, biện hộ trước tòa án và làm tư vấn pháp luật (cung cấp dịch vụ pháp lý) của luật sư.

Theo thói quen sử dụng ngôn ngữ Việt Nam trong văn nói cũng như trong văn viết thì cụm từ "nghề luật sư" có thể được chấp nhận, cũng giống như nói "kiến trúc sư" và nghề "kiến trúc sư", "thầy thuốc" và "nghề thầy thuốc" v.v... Pháp lệnh luật sư năm 2001 chính thức chấp nhận các cụm từ "nghề luật sư", "nghề nghiệp luật sư" và "hành nghề luật sư".

Hiện nay theo quy định của Luật luật sư năm 2006 thì tổ chức hành nghề luật sư bao gồm: (i) Văn phòng luật sư; (ii) Công ty luật. Công ty luật bao gồm công ty luật hợp danh và công ty luật trách nhiệm hữu hạn [14, Khoản 1 Điều 34]. Tuy nhiên, ở nhiều nước (Hy Lạp, Arhentina, Italia, Mexico, Đài Loan, Brazil, Thụy Sĩ, Nhật...), hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn không được chấp nhận vì hình thức này không phù hợp với nghề luật sư là phải chịu trách nhiệm vô hạn đối với hoạt động nghề nghiệp của mình.

Luật sư là nhà chuyên nghiệp, có trách nhiệm cao trước khách hàng cho nên nghề luật sư trên thế giới chủ yếu dưới hai hình thức là Công ty hợp danh và Văn phòng cá nhân.

Công ty luật hợp danh là một trong các tổ chức hành nghề luật sư. Công ty luật hợp danh có những nét đặc thù cơ bản sau đây:

Thứ nhất, công ty luật hợp danh có tư cách pháp nhân. Công ty LHD là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh. Công ty luật đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi có Đoàn luật sư mà Trưởng văn phòng luật sư hoặc Giám đốc công ty luật là thành viên. Công ty luật do luật sư ở các Đoàn luật sư khác nhau cùng tham gia thành lập thì đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi có trụ sở của công ty [14, Khoản 1 Điều 35]. Về điểm này có thể nhận thấy: việc đăng ký hoạt động của công ty LHD khác việc đăng ký thành lập đối với các công ty thông thường (công ty thương mại). Các công ty này phải thực hiện việc đăng ký thành lập tại Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch Đầu tư cấp tỉnh.

Thứ hai, thành viên công ty LHD phải là luật sư. Luật sư phải đáp ứng các điều quy định về năng lực hành vi dân sự, về trình độ năng lực, phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp... Tuy nhiên, điều kiện để trở thành luật sư theo quy định của pháp luật Việt Nam có những điểm khác so với quy định của một số quốc gia khác. Theo quy định của Nhật Bản, người muốn trở thành luật sư trước hết phải tham gia kỳ thi quốc gia. Kỳ thi này được mở cho bất kỳ ai không kể là người tốt nghiệp đại học luật hay chưa có bằng đại học luật, không yêu cầu phải có quốc tịch Nhật Bản, không có bất kỳ một giới hạn nào về bằng cấp, độ tuổi hay giới tính. Tuy nhiên, đây là một kỳ được đánh giá là khó nhất trong các kỳ thi của Nhật Bản và tỷ lệ đỗ rất thấp nên trên thực tế phần lớn các thí sinh là cử nhân luật. Năm 2005, tỷ lệ thí sinh đỗ kỳ thi này là

3.71% [5]. Sự khác biệt lớn nhất trong việc đào tạo nghề ở Nhật bản là sau khi đỗ kỳ thi quốc gia, học sinh học tại Viện Đào tạo và Nghiên cứu pháp luật trong thời gian 1,5 năm và được nhận tiền lương từ chính phủ. Viện là cơ quan trực thuộc Toà án tối cao. Trong thời gian này, học viên được học lý thuyết đồng thời được làm việc với toà án, viện kiểm sát và các luật sư. Chương trình học tại Viện là chương trình chung cho cả thẩm phán, kiểm sát viên và luật sư.

Công ty luật hợp danh do ít nhất hai luật sư thành lập. Công ty luật hợp danh không có thành viên góp vốn. Quy định này cũng là một điểm khác so với thành viên công ty hợp danh thông thường. Công ty hợp danh thông thường ngoài thành viên hợp danh, công ty có thể có thành viên góp vốn [12, Điều 172]. Công ty luật trách nhiệm hữu hạn bao gồm công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do ít nhất hai luật sư thành lập. Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên do một luật sư thành lập và làm chủ sở hữu [14, Khoản 3 Điều 34].

Thứ ba, về trách nhiệm. Công ty hợp danh thông thường được áp dụng chế độ trách nhiệm hữu hạn đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính của công ty, thành viên hợp danh chịu trách nhiệm vô hạn và thành viên góp vốn chịu trách nhiệm hữu hạn. Công ty luật hợp danh là một công ty hợp danh đặc thù, do đó, các luật sư là thành viên hợp danh sẽ chịu chế độ trách nhiệm vô hạn. Đối với công ty luật TNHH thì sẽ được áp dụng chế độ trách nhiệm hữu hạn. Tuy nhiên, nếu luật sư hành nghề với tư cách cá nhân thì phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động hành nghề và hoạt động theo loại hình hộ kinh doanh cá thể (trách nhiệm vô hạn) [14, Khoản 1 Điều 49].

Công ty luật thực hiện hành nghề luật sư trong nước và có thể hành nghề luật sư thông qua việc cử luật sư thực hiện dịch vụ pháp lý ở nước ngoài theo yêu cầu của khách hàng. Luật sư thực hiện dịch vụ pháp lý ở nước ngoài phải tuân theo quy định của Luật Luật sư và quy định khác của pháp luật có liên quan [14, Điều 44].

1.1.2. Sự tương đồng và khác biệt giữa công ty luật hợp danh với các tổ chức hành nghề luật sư khác

Tổ chức hành nghề luật sư bao gồm: Văn phòng luật sư; Công ty luật hợp danh và công ty luật TNHH [14, Đ.32]. Công ty luật hợp danh, Văn phòng luật sư và công ty luật trách nhiệm hữu hạn có những điểm tương đồng và sự khác biệt cơ bản sau đây:

1.1.2.1. Những điểm tương đồng.

Một là, chỉ những người là luật sư mới được tham gia thành lập tổ chức hành nghề luật sư. Người muốn trở thành luật sư phải là những người có bằng cử nhân luật, đáp ứng các điều kiện về sức khỏe, năng lực, phẩm chất theo quy định của pháp luật. Họ cần phải trải qua thời gian đào tạo nghiệp vụ luật sư với thời gian 12 tháng [15]. Người hoàn thành chương trình đào tạo nghề luật sư được cơ sở đào tạo nghề luật sư cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư [15, Điều 12]. Người có Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư đăng ký tập sự tại các tổ chức hành nghề luật sư (Văn phòng luật sư, Công ty luật) với thời gian là 12 tháng (trừ trường hợp được miễn, giảm thời gian tập sự). Thời gian tính tập sự bắt đầu từ ngày đăng ký tập sự tại Đoàn luật sư (nơi có trụ sở của tổ chức hành nghề luật sư cho người tập sự). Kết thúc thời gian tập sự, những người này tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư do Liên đoàn luật sư Việt Nam tổ chức trên cơ sở lập danh sách và đề nghị của Đoàn luật sư. Hội đồng kiểm tra cấp Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư cho những người đủ điều kiện. Giấy

chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư là cơ sở pháp lý để Bộ trưởng Bộ Tư pháp Việt Nam quyết định cấp Giấy chứng chỉ hành nghề luật sư trên cơ sở đề nghị của những người đáp ứng các điều kiện.

Hiện nay, số người được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư tăng lên 11.285 người [2, tr 4]. Sau khi được cấp Giấy chứng chỉ hành nghề luật sư, các cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ tham gia vào một Đoàn luật sư. Ban Chủ nhiệm đoàn luật sư ra quyết định kết nạp người đó vào Đoàn luật sư khi có đầy đủ hồ sơ hợp lệ, đồng thời đề nghị Liên đoàn luật sư xem xét, cấp thẻ luật sư cho người gia nhập Đoàn luật sư [15, điều 20].

Hai là, Một luật sư chỉ được thành lập hoặc tham gia thành lập một tổ chức hành nghề luật sư tại địa phương nơi có Đoàn luật sư mà luật sư đó là thành viên. Quyền thành lập doanh nghiệp là một trong quyền tự do kinh doanh, quyền con người. Tuy nhiên, việc quy định một luật sư chỉ được phép thành lập một tổ chức hành nghề luật sư có lẽ xuất phát từ bản chất pháp lý của loại hình doanh nghiệp này hoặc tính chịu trách nhiệm của luật sư.

Tính đến tháng 9/2014, đã có 9.231 người đã được Liên đoàn luật sư Việt Nam cấp Thẻ luật sư [2, tr4]. Tuy nhiên, một điều lưu ý rằng: không phải bất kỳ cá nhân nào khi đã trở thành luật sư đều có thể thành lập hoặc tham gia thành lập ngay tổ chức hành nghề luật sư. Luật sư thành lập hoặc tham gia thành lập tổ chức hành nghề luật sư phải có ít nhất hai năm hành nghề liên tục làm việc theo hợp đồng lao động cho tổ chức hành nghề luật sư hoặc hành nghề với tư cách cá nhân theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức [15, Điểm a, khoản 3].

1.1.2.2. Những điểm khác biệt

Thứ nhất, về mô hình. Văn phòng luật sư do một luật sư thành lập được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân. Luật sư Trưởng Văn phòng là chủ sở hữu văn phòng luật sư, chịu trách nhiệm toàn bộ về mọi

hoạt động của văn phòng. Đối với công ty luật hợp danh do ít nhất hai luật sư thành lập và hoạt động theo mô hình doanh nghiệp. Luật sư là thành viên hợp danh trong công ty liên đới chịu trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính của công ty.

Thứ hai, về tư cách pháp lý. Văn phòng luật sư không có tư cách pháp nhân. Tài sản của Văn phòng cũng chính là tài sản của Luật sư Trưởng Văn phòng. Các công ty luật có tư cách pháp nhân, đáp ứng đầy đủ các quy định tại Điều 74 Bộ luật dân sự năm 2015 về tổ chức có tư cách pháp nhân. Công ty luật hợp danh có tư cách pháp nhân.

Thứ ba, về chia sẻ quyền lực. Văn phòng luật sư do một luật sư thành lập nên không có sự chia sẻ quyền lực với người khác. Công ty luật hợp danh thì do nhiều luật sư góp vốn thành lập (ít nhất hai luật sư). Do đó, trong quá trình hoạt động của công ty giữa các luật sư có sự phân chia quyền lực trong tổ chức, điều hành công ty. Việc phân chia quyền lực trong công ty hợp danh có thể trên cơ sở tỷ lệ vốn góp vào công ty hoặc có thể thỏa thuận giữa các thành viên hợp danh trong công ty (tư cách thành viên công ty).

Thứ tư, về người đại diện. Đối với văn phòng luật sư thì Trưởng Văn phòng là người đại diện và là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Văn phòng luật sư. Các thành viên hợp danh (luật sư) đều có quyền đại diện cho công ty trước pháp luật. Các luật sư – thành viên hợp danh trong công ty luật có thể thống nhất phân công nhau đảm nhiệm các chức danh quản lý và kiểm soát công ty trong điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Ví dụ: một luật sư là thành viên công ty luật hợp danh ký hợp đồng dịch vụ pháp lý cho khách hàng, trong quá trình thực hiện các cam kết trong hợp đồng phía luật sư thực hiện không đúng cam kết, khách hàng khởi kiện đối với công ty (bị đơn).

1.1.3. Những yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động của công ty luật hợp danh

Thực tế cho thấy có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến quá trình vận hành công ty luật hợp danh. Có những yếu tố bên trong và có yếu tố bên ngoài, có yếu tố ảnh hưởng trực tiếp và có yếu tố ảnh hưởng gián tiếp. Cụ thể:

Thứ nhất, Bản điều lệ công ty. Trong các văn kiện cấu thành công ty thì Bản điều lệ đóng vai trò rất quan trọng khi công ty hoạt động. Bản điều lệ công ty được coi là một trong những “cốt lõi” làm nên sự thành công của công ty. Bản điều lệ được hình thành trên nền tảng của sự đồng thuận hay cam kết của các luật sư. Thực tế cho thấy, do hệ thống pháp luật chưa thực sự minh bạch, rõ ràng vì vậy các vấn đề về tổ chức, điều hành, quyền và nghĩa vụ của các thành viên ... càng cần thiết trong Bản điều lệ công ty. Bản điều lệ về mặt nguyên tắc không được trái với các quy định của pháp luật nhưng điều đó cũng không hoàn toàn đồng nghĩa với việc Bản điều lệ của công ty chỉ là một bản sao chép nguyên xi những điều luật. Bản điều lệ công ty luật xây dựng quy chế tổ chức, quản lý công ty, thể hiện sự đồng thuận của thành viên luật sư trong công ty. Bởi vậy, các quy định của điều lệ công ty có tính chất bắt buộc thi hành với công ty và các thành viên của nó. Điều lệ công ty không chỉ điều chỉnh các quan hệ đối nội bộ giữa các thành viên trong công ty với nhau, thành viên công ty với chính công ty mà còn điều chỉnh mối quan hệ đối ngoại của công ty với những người liên quan. Do đó một Bản điều lệ tốt cũng là nhân tố khẳng định trình độ quản lý, khả năng phát triển công ty.

Thứ hai, cơ chế phân chia quyền lực trong công ty luật hợp danh. Cơ cấu tổ chức, điều hành, cơ chế quản lý CTLHD dựa trên nền tảng mà ở đó chịu sự chi phối của những yếu tố khác nhau. Trong cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý CTLHD không có sự phân chia quyền lực rõ ràng giữa các thành viên. Sự phân chia quyền lực này không chỉ phụ thuộc vào tỷ lệ tỷ lệ vốn của

thành viên trong công ty mà còn được xây dựng trên cơ sở tư cách pháp lý của thành viên. Đây là một điểm khác biệt với việc phân chia quyền lực trong công ty luật hợp danh với các loại hình công ty khác, như công ty TNHH, công ty cổ phần. Cơ cấu tổ chức quản lý của CTCP chịu sự chi phối của cấu trúc vốn. CTCP là một trong những loại hình doanh nghiệp có cơ cấu tổ chức chặt chẽ nhất, có sự phân chia quyền lực rõ ràng nhất và cơ cấu tổ chức này chịu sự chi phối của cấu trúc vốn. Tuy nhiên, đối với mô hình CTLHD thì quyền đại diện cho công ty thuộc về tất cả các thành viên hợp danh (luật sư). Các thành viên hợp danh (TVHD) thống nhất lựa chọn người đại diện cho công ty trong số các TVHD công ty. Như vậy, việc thiết lập quyền bình đẳng giữa các TVHD đã được ghi nhận mà không phụ thuộc vào tỷ lệ chiếm hữu vốn trong công ty nhiều hay ít. Đối với công ty luật hợp danh thì người đại diện là thành viên công ty và phải là luật sư. Cơ sở để minh chứng người đại diện cho CTLHD được ghi nhận bằng các cơ sở pháp lý: (i) ghi nhận tại hợp đồng thành lập công ty, (ii) ghi nhận trong Điều lệ công ty và (iii) ghi nhận trong Giấy đăng ký hoạt động. Công ty luật hợp danh được điều chỉnh bằng các thiết chế pháp luật chung đối với doanh nghiệp, đồng thời nó được điều chỉnh bởi các thiết chế pháp luật chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực ngành nghề, phong tục, tập quán, quy ước và đạo đức nghề nghiệp của luật sư. Điều đó không chỉ tạo nên sự khác biệt trong việc phân chia quyền lực trong công ty so với các loại hình công ty khác mà nó còn góp phần thể hiện tính chuyên nghiệp và bền vững trong quản trị công ty luật.

Thứ ba, cơ cấu thành viên của công ty: Công ty thông thường có thể/và không chỉ gồm một loại thành viên. Việc phân loại thành viên công ty căn cứ theo những tiêu chí khác nhau như: nguồn vốn đầu tư, tư cách pháp lý hay mức độ và tỷ lệ chiếm giữ vốn góp trong công ty. Mỗi loại thành viên có một địa vị pháp lý khác nhau trong quá trình thành lập, tồn tại và phát triển của

công ty. Khác với những công ty thông thường, thành viên công ty luật hợp danh phải là các luật sư [14, Điều 34], không có thành viên góp vốn. Việc quy định như vậy mang tính đặc thù đối với các tổ chức hành nghề luật sư, trong đó có công ty luật hợp danh. Đồng thời cũng đảm bảo tính liên đới trách nhiệm của các luật sư là thành viên công ty. Đối với công ty luật hợp danh thì tính chất đồng chủ sở hữu trong công ty tạo nên “xương sống” quyết định việc chia sẻ quyền lực trong công ty cũng như tạo ra các dòng “huyết mạch” nuôi sống và làm bền vững hoạt động công ty. Tính đến tháng 9/2014, đã có 9.231 người đã được Liên đoàn luật sư Việt Nam cấp Thẻ luật sư [2, tr3]. Tuy nhiên, một điều lưu ý rằng: không phải bất kỳ cá nhân nào khi đã trở thành luật sư đều có thể thành lập hoặc tham gia thành lập ngay tổ chức hành nghề luật sư. Luật sư thành lập hoặc tham gia thành lập tổ chức hành nghề luật sư phải có ít nhất hai năm hành nghề liên tục làm việc theo hợp đồng lao động cho tổ chức hành nghề luật sư hoặc hành nghề với tư cách cá nhân theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức [15, Điều a, khoản 3, Điều 32].

Thứ tư, trình độ, năng lực lãnh đạo và đạo đức nghề nghiệp của luật sư – thành viên công ty. Luật sư khi hành nghề trong CTLHD không chỉ là những nhà đầu tư thuần túy mà họ còn là những người có thể cung cấp các sản phẩm dịch vụ pháp lý cao mang tính chuyên môn và chuyên nghiệp hóa cho khách hàng. Trình độ, năng lực của luật sư góp phần rất lớn trong tổ chức, điều hành công ty luật. Sự hướng tới chuyên môn hóa và chuyên nghiệp hóa của luật sư là hết sức cần thiết. Tuy nhiên, với góc nhìn nghề luật là một nghề đặc biệt thì trình độ, năng lực của luật sư không chỉ chịu sự điều chỉnh của các thiết chế pháp luật với tư cách là một nhà kinh doanh mà hơn nữa trách nhiệm của họ phải luôn đi cùng với đạo đức nghề nghiệp - nghề luật. Đây vừa là một đòi hỏi và cũng là một vinh dự cho những người hành nghề luật - một nghề đặc biệt trong đời sống xã hội và đời sống pháp lý. Trách

nhiệm đó đòi hỏi ở các luật sư không chỉ trình độ, năng lực mà còn cần sự cẩn trọng, trung thành và mẫn cán của luật sư đối với cộng đồng vì công lý và mang tính nhân văn cao cả.

Nghề luật sư là một nghề mang tính tự do, dựa trên sự hiểu biết pháp luật và áp dụng pháp luật, mà chức năng cơ bản là phụng sự công lý và mục đích cao cả của hoạt động tư pháp. Nghề luật sư là nghề tự do, các luật sư hành nghề độc lập theo quy định của pháp luật và quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Nghề luật sư là một nghề đặc biệt so với các ngành nghề khác, thể hiện ở những điểm sau: (i) *Hành nghề luật sư không lấy điểm xuất phát là vốn và cũng không dựa vào vốn mà dựa vào kiến thức pháp luật và kỹ năng hành nghề của luật sư. Chính vì vậy, luật sư không những là một chuyên gia pháp luật, là một cố vấn pháp luật mà ở họ có những kỹ năng nghề nghiệp thực thụ, các luật sư cần có kiến thức pháp luật, thông thạo kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình;* (ii) *Luật sư với tư cách là một người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể pháp lý nên luật sư có nhiệm vụ bảo đảm sự công bằng, khách quan của pháp luật. Vì thế, các nước trên thế giới đều cho rằng nghề luật sư là một nghề trong xã hội, là công cụ hữu hiệu góp phần bảo đảm công lý.;* (iii) *Nguyên tắc hành nghề luật sư là phải độc lập, liêm chính, nhân đạo và dũng cảm. Nghề luật sư rất chú ý đến vai trò cá nhân, uy tín nghề nghiệp của luật sư và tính chất của nghề tự do trong tổ chức hành nghề luật sư. Đây là yêu cầu cần thiết để luật sư có thể hoàn thành tốt trách nhiệm của mình.*

1.2. Pháp luật về công ty luật hợp danh ở Việt Nam

1.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển pháp luật về công ty luật hợp danh

Tổ chức và hoạt động luật sư ở Việt Nam đã được điều chỉnh bằng các quy định pháp luật từ năm 1945 với Sắc lệnh 46 ngày 10/10/1945 của Chủ

tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa cũng như trong một số văn bản của nhà nước quy định về bào chữa viên nhân dân. Trong thời kỳ chính quyền Việt Nam cộng hòa do Ngô Đình Diệm đứng đầu, Luật số 1/62 đã được ban hành ngày 8/1/1962 với quy chế về luật sư và luật sư đoàn (gồm 6 thiên, 19 điều) theo mô hình luật sư của một số nước phương Tây. Chế định luật sư ngày càng được phát triển và hoàn thiện qua các thời kỳ lịch sử của đất nước, cùng với sự ra đời của các bản Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013 của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Những bước phát triển của tổ chức luật sư và hoạt động luật sư ở Việt Nam được ghi nhận ngày càng đầy đủ hơn qua các văn bản pháp luật quan trọng về luật sư, tổ chức luật sư: Pháp lệnh tổ chức luật sư năm 1987, Pháp lệnh luật sư năm 2001 và Luật luật sư năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung năm 2012.

Pháp lệnh Tổ chức Luật sư ra đời đầu tiên vào năm 1987, có 6 chương với 25 Điều quy định những vấn đề cơ bản nhất về tổ chức, hoạt động luật sư trong giai đoạn đầu của thời kỳ đổi mới. Pháp lệnh Tổ chức Luật sư năm 1987 công nhận chính thức nghề luật sư tại Việt Nam. Thời điểm đó, nghề này chưa phát triển. Các văn phòng luật sư chỉ xuất hiện rải rác [30]. Luật doanh nghiệp năm 1999, Luật sửa đổi, bổ sung năm 2000, đi đôi với nhiều nguồn đầu tư nước ngoài đổ vào Việt Nam, tạo sân chơi rộng hơn cho các luật sư. Pháp lệnh Luật sư năm 2001 ra đời, góp phần chuyên nghiệp hóa dần các hoạt động và dịch vụ pháp lý. Nền kinh tế phát triển nhanh chóng. Số lượng doanh nghiệp tăng nhanh. Nhu cầu dịch vụ pháp lý cho doanh nghiệp cũng tăng theo. Chính từ những thuận lợi trên, nhiều văn phòng luật sư đã ra đời, trong đó có nhiều văn phòng chuyên về Luật kinh doanh. Tính chung từ sau Pháp lệnh Tổ chức Luật sư có hiệu lực, các tổ chức hành nghề luật sư ra đời trải dài khắp cả nước, lên đến con số hàng ngàn, trong đó bao gồm cả các đại diện của

nước ngoài. Đặc biệt, Luật luật sư số 65/2006/QH11 năm 2006 ra đời, tiếp nối sau đó là Luật số 20/2012/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật luật sư (hai văn bản được hợp nhất trong văn bản 12/VBHN-VPQH) góp phần nâng tầm nhận thức và chuyên nghiệp hóa hơn nữa vai trò của nghề luật sư. Trong nội dung của Luật luật sư, văn phòng luật sư và các công ty luật là hai loại hình hoạt động của dịch vụ luật sư. Sản phẩm chính là các dịch vụ pháp lý mà nghề này cung cấp. Theo điều 22 của Luật Luật sư, phạm vi hành nghề của luật sư khá rộng, gồm có: Tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc là người bảo vệ quyền lợi của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự; Tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hoặc là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong các vụ án về tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính, việc về yêu cầu dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và các vụ việc khác theo quy định của pháp luật; Thực hiện tư vấn pháp luật; Đại diện ngoài tố tụng cho khách hàng để thực hiện các công việc có liên quan đến pháp luật; và thực hiện dịch vụ pháp lý khác theo quy định của Luật. Một số dịch vụ pháp lý khác được Luật quy định tại điều 30 gồm giúp đỡ khách hàng thực hiện công việc liên quan đến thủ tục hành chính; giúp đỡ về pháp luật trong trường hợp giải quyết khiếu nại; dịch thuật, xác nhận giấy tờ, các giao dịch và giúp đỡ khách hàng thực hiện công việc khác theo quy định của pháp luật... Như vậy, Luật luật sư 2006 và Luật sửa đổi bổ sung 2012 đã thiết lập những nền tảng quan trọng cho ngành dịch vụ pháp lý tại Việt Nam. Số liệu thống kê cho thấy ngành nghề luật sư phát triển khá mạnh mẽ trong thời gian qua. Năm 2005, cả nước chỉ có khoảng 700 văn phòng luật sư. Hơn một năm sau, tổng số văn phòng luật sư đã nâng lên gần 1.200, tức tăng khoảng 500. Đó là chưa

kể đến các luật sư hành nghề tự do, với con số cũng không nhỏ. Theo số liệu mới nhất từ bài viết của Ths Trần Minh Sơn trên trang web của Bộ Tư pháp, tính đến ngày 31/3/2015, Việt Nam có 63 Đoàn Luật sư, 9.436 Luật sư, trong đó có 3.500 Luật sư tập sự (TP. Hà Nội có 2.476 Luật sư; TP. Hồ Chí Minh có 3.756 Luật sư).

Ngày 09/03/2018, Bộ trưởng của 11 quốc gia gồm Australia, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore và Việt Nam đã ký kết Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã diễn ra tại thủ đô Santiago de Chile dưới sự chủ trì của Tổng thống nước chủ nhà Michelle Bachelet. Thỏa thuận tự do thương mại đầy tham vọng CPTPP được khởi động cách đây một năm sau khi Mỹ rút lui khỏi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Về cơ bản, CPTPP vẫn giữ nguyên nội dung so với phiên bản gốc Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) với 8.000 trang và chỉ tạm hoãn thực thi 22 điều khoản chủ yếu liên quan tới sở hữu trí tuệ nhằm bảo đảm sự cân bằng giữa 11 nước thành viên. Hiệp định CPTPP được coi là hình mẫu cho hợp tác kinh tế khu vực trong những năm đầu của thế kỷ 21. Hiệp định bao gồm 30 chương, đề cập không chỉ các lĩnh vực truyền thống như hàng hóa, dịch vụ, đầu tư mà còn cả các vấn đề mới như thương mại điện tử, tạo thuận lợi cho dây chuyền cung ứng, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp vừa và nhỏ vv... Có 5 nội dung chính đã làm CPTPP trở thành một Hiệp định quan trọng của thế kỷ 21, đặt ra các tiêu chuẩn mới cho thương mại toàn cầu, đồng thời tiếp tục giải quyết các vấn đề của thời đại mới. Những nội dung đó bao gồm: (a) Tiếp cận thị trường toàn diện; (b) Cách tiếp cận cam kết trong khu vực; (c) Xem xét các thách thức thương mại mới; (d) Thương mại toàn diện và (e) Nền tảng hội nhập khu vực. Hiệp định CPTPP với các tiêu chuẩn rất cao về quản trị minh bạch và hành xử khách quan của bộ máy Nhà nước sẽ giúp các Công ty Luật, Văn phòng Luật sư có thêm nhiều việc làm trong việc kết nối giữa doanh

nghiệp với các cơ quan chính quyền; thúc đẩy cải cách hành chính; tăng cường trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương và phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Bên cạnh đó, hiệp định CPTPP sẽ tạo ra các cơ hội giúp nâng cao vị thế của các tổ chức dịch vụ pháp lý bằng cách tạo thêm nhiều việc để làm hơn cho đội ngũ Luật sư, tư vấn pháp luật, nhất là các việc liên quan đến tư vấn pháp luật đầu tư, môi trường, sở hữu trí tuệ, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh... Việc Việt Nam tham gia Hiệp định CPTPP cũng sẽ đẩy nhanh quá trình Luật sư Việt Nam hội nhập quốc tế, mở rộng phạm vi hoạt động ra khu vực và các nước trên thế giới.

1.2.2. Nguồn luật điều chỉnh hoạt động công ty luật hợp danh

Công ty luật hợp danh được điều chỉnh bởi các nguồn luật chủ yếu sau: nguồn luật quốc tế, thói quen, tập quán quốc tế, luật quốc gia và án lệ.

1.2.2.1. Nguồn luật quốc tế

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã tích cực nghiên cứu và tham gia nhiều điều ước quốc tế liên quan đến thương mại, đầu tư, dền doanh nghiệp,... nhằm thúc đẩy nền thương mại quốc gia phát triển và hội nhập thành công vào nền thương mại toàn cầu. Tuy nhiên, theo đánh giá mới đây trong một báo cáo do trung tâm thương mại quốc tế ITC phối hợp cùng Bộ Công thương thực hiện, mức độ tham gia của Việt Nam vào các điều ước quốc tế đa phương quan trọng có ảnh hưởng đến thương mại còn thấp hơn mức trung bình trong khu vực và toàn thế giới. Việt Nam đã tham gia 52 trong số 210 điều ước quốc tế quan trọng trong lĩnh vực thương mại quốc tế, trong khi đó tỷ lệ trung bình trên thế giới là 72/210 và trong khu vực là 59/210. Việt Nam được xếp hạng thứ 132 trên thế giới (trên 192 quốc gia) và thứ 14 trong khu vực châu Á (trên 23 quốc gia) [31, tr. 3].

Nguồn luật quốc tế bao gồm các công ước và hiệp ước quốc tế song phương và đa phương. Nó quy định về doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, về hợp đồng, ... Công ước Viên 1980 (CISG), được toàn thế giới công nhận

về quy định hình thức, các vấn đề liên quan đến hợp đồng cũng như các vấn đề liên quan đến thương mại quốc tế, phương tiện vận tải,... mà Việt Nam cũng mới chính thức gia nhập vào năm 2015. Nguồn luật quốc tế điều chỉnh doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp như: Incoterms đã trải qua 7 lần sửa đổi vào các năm 1953, 1967, 1976, 1980, 1990, 2000, 2010. Sự thay đổi nội dung của Incoterms theo hướng: phù hợp hơn với tập quán thương mại quốc tế thay đổi; Rõ ràng hơn, giúp các bên hiểu rõ trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi cơ bản, có liên quan đến doanh nghiệp của các quốc gia khác nhau. Theo đó, điều ước quốc tế về thương mại có hai loại: (i) những nguyên tắc pháp lý chung làm cơ sở cho hoạt động thương mại; (ii) Điều ước quốc tế trực tiếp điều chỉnh quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể khi tham gia. Đồng thời, Việt Nam tham gia đàm phán, ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó, lưu ý tới hai hiệp định thương mại tự do thế hệ mới: Hiệp định giữa Việt nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) và Hiệp định CPTPP. Ngoài ra, Việt Nam cũng tham gia ký kết các hiệp định song phương và đa phương với các quốc gia như hiệp định Việt Nam – Hoa Kỳ; hiệp định ASEAN,.. Các Công ước quốc tế và các hiệp định quốc tế là những cơ sở pháp lý quan trọng liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp trong thương mại quốc tế.

1.2.2.2. Luật quốc gia.

Nguồn Luật quốc gia là hệ thống các văn bản pháp luật điều chỉnh về công ty, trong đó có công ty luật hợp danh và được áp dụng tuân thủ theo các nguyên tắc nhất định.

Hiện nay Việt Nam xây dựng và ban hành một loạt hệ thống các văn bản pháp luật điều chỉnh về công ty, trong đó có công ty luật hợp danh và các vấn đề liên quan như: Bộ luật dân sự (2015), Bộ luật tố tụng dân sự (2015), Bộ luật hình sự (2015), Luật luật sư (2006/2012), Luật doanh nghiệp (2014),

Luật Đầu tư (2014), Luật Phá sản (2014), Luật Hải quan (2014),... cùng các văn bản hướng dẫn thi hành.

Bên cạnh đó, các Quy chế, điều lệ trong các công ty luật hợp danh; các qui tắc hiệp hội luật sư trong quản trị công ty luật, các qui định của pháp luật quốc gia trong quản trị công ty luật cũng là những nguồn luật quan trọng điều chỉnh hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nói chung, về quản trị các công ty luật nói riêng nhằm duy trì, đảm bảo mối quan hệ và trật tự áp dụng pháp luật trong tổ chức và hoạt động của công ty luật hợp danh.

1.2.2.3. Thói quen, tập quán quốc tế

Thói quen là quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng được hình thành và lặp lại nhiều lần trong một thời gian dài giữa các bên, được các bên mặc nhiên thừa nhận để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên. Việc áp dụng thói quen và tập quán phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau: Trừ trường hợp có thoả thuận khác, các bên được coi là mặc nhiên áp dụng thói quen trong hoạt động thương mại đã được thiết lập giữa các bên đó mà các bên đã biết hoặc phải biết nhưng không được trái với quy định của pháp luật. Trường hợp pháp luật không có quy định, các bên không có thoả thuận và không có thói quen đã được thiết lập giữa các bên thì áp dụng tập quán thương mại nhưng không được trái với những nguyên tắc quy định trong Luật này và trong Bộ luật Dân sự.

Tập quán quốc tế là các quy tắc chính thức của một khu vực hay của phòng thương mại quốc tế (UCP, Incoterm) về giải thích các điều kiện thương mại, tạo điều kiện cho giao dịch thương mại khu vực và quốc tế liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, công ty để đảm bảo rằng nó sẽ được diễn ra một cách trôi chảy. Việc dẫn chiếu các tập quán này trong tổ chức, quản lý công ty nói chung, công ty luật nói riêng sẽ phân định rõ ràng nghĩa vụ tương ứng của các bên và làm giảm nguy cơ rắc rối về mặt pháp lý.

1.2.2.4. Tiên lệ pháp

Tiên lệ pháp hay còn gọi là án lệ được hình thành từ thực tiễn xét xử của Tòa án, trong đó có những tranh chấp xuất phát từ hoạt động của công ty. Tại các nước theo hệ thống pháp luật Common Law như Anh, Mỹ, các tòa án thường sử dụng một hoặc một số phán quyết của tòa án đã được công bố để làm khuôn mẫu áp dụng cho việc giải quyết tranh chấp tương tự. Trong lĩnh vực doanh nghiệp, tổ chức, quản lý doanh nghiệp, việc công nhận và sử dụng các phán quyết của Tòa án cũng như thừa nhận vai trò tích cực của các án lệ đang có xu hướng gia tăng tại các nước có hệ thống pháp luật khác nhau.

Đối với Việt Nam, việc áp dụng các nguồn luật trên được quy định cũng khá cụ thể theo hướng cho phép ưu tiên áp dụng các Điều ước quốc tế và tập quán quốc tế về doanh nghiệp nếu trong luật pháp Việt Nam có quy định về cùng vấn đề đó hoặc quy định trái với những điều trong điều ước quốc tế hay tập quán quốc tế. Tuy nhiên, cần phải hiểu ở đây chỉ áp dụng Điều ước quốc tế hay tập quán quốc tế nếu như có cách giải quyết khác so với luật quốc gia, tức là nó không được trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Nếu những quy định trong Điều ước quốc tế hay tập quán quốc tế đó đi ngược lại với thuần phong mỹ tục của dân tộc thì những quy định đó không được áp dụng.

1.2.3. Khái niệm và nội dung chủ yếu của pháp luật về công ty luật hợp danh

1.2.3.1. Khái niệm.

Pháp luật về doanh nghiệp điều chỉnh các quan hệ về tổ chức hoạt động của doanh nghiệp, trong đó có công ty luật hợp danh. Các quan hệ xã hội về tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phát sinh trực tiếp từ quá trình tạo lập, duy trì, biến đổi và chấm dứt tư cách pháp lý của doanh nghiệp

(thành lập và đăng kí kinh doanh, tổ chức quản lý của doanh nghiệp, tạo lập cơ cấu vốn, tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp,...).

Pháp luật về công ty luật hợp danh được hiểu là tổng hợp các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thành lập, hoạt động và rút lui khỏi thị trường của công ty luật hợp danh trong nền kinh tế thị trường.

1.2.3.2. Những nội dung cơ bản của pháp luật về công ty luật hợp danh.

- Quy định về thành lập và đăng ký hoạt động của công ty
- Quy định về quyền và nghĩa vụ của công ty
- Quy định về nguyên tắc về tổ chức, quản lý công ty luật hợp danh.
- Quy định về thành viên công ty
- Quy định về tổ chức lại, giải thể và phá sản công ty.
- Quy định về chấm dứt hoạt động của công ty luật hợp danh
- Quản lý nhà nước đối với công ty luật hợp danh.

Kết luận chương 1

Nghề luật sư là nghề tự do, các luật sư hành nghề độc lập theo quy định của pháp luật và quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Nhưng nghề luật sư là một nghề dựa trên sự hiểu biết pháp luật và áp dụng pháp luật, mà chức năng cơ bản là phụng sự công lý và mục đích cao cả của hoạt động tư pháp. Hoạt động của luật sư thông qua cá tổ chức hành nghề luật sư như: Văn phòng luật sư hoặc công ty luật. Trong đó, CTLHD được quan tâm từ các nhà hoạch định chính sách pháp luật, các nhà nghiên cứu, Luật sư, doanh nghiệp, nhà đầu tư hay công chúng. Công ty luật hợp danh là loại hình công ty với nhiều tính đặc thù từ thành viên, cơ cấu tổ chức, quản lý đến việc phân chia quyền lực, ... Quyền quản lý công ty được giao cho các luật sư. Công ty luật hợp danh được quy định trong các văn bản pháp luật từ Pháp lệnh Tổ chức luật sư (1987),

Pháp lệnh Luật sư năm 2001 ra đời, đến Luật luật sư (2006), sửa đổi, bổ sung Luật luật sư (2012), luật Doanh nghiệp năm 2014 cùng với các văn bản luật khác liên quan... đã tạo dựng khung pháp lý cho hoạt động của công ty luật. Công ty luật hợp danh là một công ty hợp danh đặc thù có những điểm tương đồng và khác biệt so với các tổ chức hành nghề luật sư khác trên phương diện: thành viên, trách nhiệm, cách thức tổ chức quản lý công ty... CTLHD gia nhập, hoạt động và rút lui khỏi thị trường do tác động của nhiều yếu tố khác nhau, có yếu tố mang tính chủ quan và có yếu tố mang tính khách quan. Điều đó cho thấy trong điều kiện nền kinh tế thị trường, việc nhận diện CTLHD cần xác định trên cơ sở nguồn gốc, nền tảng kinh tế và pháp lý của loại hình công ty này.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY LUẬT HỢP DANH VÀ TỪ THỰC TIỄN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Các quy định chủ yếu của pháp luật về công ty luật hợp danh

2.1.1. Thành lập và đăng ký hoạt động của công ty luật hợp danh

Thành lập và đăng ký hoạt động của CTLHD ghi nhận sự ra đời công ty đồng thời là cơ sở pháp lý quan trọng để công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ. Về nguyên tắc, việc thành lập công ty luật hợp danh cũng tuân thủ các điều kiện thành lập doanh nghiệp. Những yếu tố liên quan đến nhân thân người thành lập như độ tuổi, năng lực hành vi dân sự, nghề nghiệp được quy định cụ thể trong Bộ luật Dân sự, luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn khác. Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh không được phép tham gia thành lập doanh nghiệp. Độ tuổi theo quy định của pháp luật có đầy đủ khả năng chịu trách nhiệm trước các hợp đồng do mình ký kết là 18 tuổi. Người thành lập phải không thuộc một các đối tượng được quy định tại Điều 18 luật Doanh nghiệp 2014. Tuy nhiên, đối với Luật sư có thể tham gia hành nghề thông qua việc thành lập công ty luật hợp danh – một trong các tổ chức hành nghề luật sư. Công ty luật hợp danh do ít nhất hai luật sư thành lập. Công ty luật hợp danh không có thành viên góp vốn. Một luật sư chỉ được thành lập hoặc tham gia thành lập một tổ chức hành nghề luật sư tại địa phương nơi có Đoàn luật sư mà luật sư đó là thành viên. Trong trường hợp luật sư ở các Đoàn luật sư khác nhau cùng tham gia thành lập một công ty luật thì có thể lựa chọn thành lập và đăng ký hoạt động tại địa phương nơi có Đoàn luật sư mà một trong các luật sư đó là thành viên [14, Khoản 3 Điều 32]. Việc đăng ký hoạt động của CTLHD là cơ sở pháp lý quan trọng đánh dấu sự ra đời của công ty. Đồng thời cũng là thời điểm để các luật sư được thực hiện hoạt động hành nghề

dưới mái nhà chung công ty. Xuất phát từ bản chất pháp lý của CTLHD vì vậy CTLHD thực hiện việc đăng ký hoạt động tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không thực hiện việc đăng ký thành lập doanh nghiệp tại Phòng ĐKKD như các doanh nghiệp thông thường khác. CTLHD đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi có Đoàn luật sư mà Giám đốc công ty luật là thành viên. Công ty luật do luật sư ở các Đoàn luật sư khác nhau cùng tham gia thành lập thì đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi có trụ sở của công ty. Ví dụ: năm 2016 tại thành phố Hồ Chí Minh có 4.350 luật sư là thành viên Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh, 173 luật sư hành nghề với tư cách cá nhân và 1.525 tổ chức hành nghề luật sư, trong đó có 1.462 tổ chức hành nghề luật sư trong nước và 63 tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài [17, tr. 1]. Hồ sơ đăng ký hoạt động của CTLHD bao gồm nhiều loại giấy tờ như: Giấy đề nghị đăng ký hoạt động, dự thảo Điều lệ công ty, Chứng chỉ hành nghề luật sư,... Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho tổ chức hành nghề luật sư; trong trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, người bị từ chối cấp Giấy đăng ký hoạt động có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật [14, Khoản 3 Điều 35]. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động, Giám đốc công ty luật hợp danh phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao Giấy đăng ký hoạt động cho Đoàn luật sư mà mình là thành viên.

2.1.2. Tổ chức, quản lý công ty luật hợp danh

Công ty luật hợp danh do ít nhất hai thành viên (các luật sư) đồng thuận thành lập [14, Điều 34]. Trong điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, thành viên hợp danh phân công nhau đảm nhiệm các chức danh quản lý và kiểm soát công ty. Cơ cấu tổ chức, điều hành của công ty thường bao gồm: Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng Thành viên, Giám đốc [1, Điều 14].

Việc tổ chức, điều hành CTLHD tuân thủ theo các nguyên tắc. Nguyên

tắc tổ chức, điều hành công ty luật hợp danh là những tư tưởng pháp lí chủ đạo, có tính bắt buộc chung, thể hiện quan điểm có tính định hướng của Nhà nước trong việc xác định hệ thống các cơ quan trong tổ chức, quản lý công ty luật được quy định trong pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật luật sư. Đối với công ty luật hợp danh, hệ thống các cơ quan trong tổ chức, quản lý công ty được xây dựng trên cơ sở tính chất các luật sư là thành viên hợp danh công ty. Nguyên tắc tổ chức, quản lý công ty luật đảm bảo một cách tốt nhất việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của luật sư (thành viên) trong vấn đề hướng tới lợi ích của toàn công ty. Tổ chức, quản lý CTLHD có thể thực hiện theo nguyên tắc bắt buộc hoặc theo nguyên tắc tùy nghi.

Cơ cấu tổ chức, quản lý CTLHD chịu sự tác động của thành tố chính trong hoạt động quản trị của các công ty luật hợp danh, đó là Hội đồng thành viên và người quản lý công ty. Trong công ty luật hợp danh thì yếu tố bình đẳng giữa các thành viên (Luật sư) được coi trọng và là nền tảng của quản trị công ty. Sự bình đẳng này được coi là một đặc trưng rất rõ ràng của công ty hợp danh được thể hiện trên nhiều phương diện khác nhau như: bình đẳng trong quản lý, điều hành; bình đẳng trong phân chia quyền lực hay chịu rủi ro có thể không phân biệt và phụ thuộc vào tỷ lệ vốn góp vào công ty. Các quyết định của công ty phải được tất cả các luật sư thành viên nhất trí, mỗi người đều có quyền phủ quyết. Mỗi thành viên đều có quyền đại diện cho công ty. Họ có thể lựa chọn ra người quản lý công ty.

CTLHD là một loại hình công ty hợp danh đặc thù do đó việc tổ chức, quản lý về cơ bản được tổ chức, hoạt động như công ty hợp danh. được tổ chức, quản lý thông qua hoạt động của hệ thống liên quan như Hội đồng thành viên, Chủ tịch HĐQT. Giám đốc, kiểm soát viên. Tổ chức, quản lý CTLHD khác với tổ chức, quản lý CTLTNNH. Đối với Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên do một luật sư làm chủ sở hữu có Chủ tịch

công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Luật sư làm chủ sở hữu công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên là Giám đốc công ty [14, Điều 34]. Cơ cấu tổ chức, quản lý của công ty luật TNHH hai thành viên trở lên bao gồm: Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), Ban kiểm soát/Kiểm soát viên.

+ Về Hội đồng thành viên. Trong CTLHD thì tất cả thành viên (luật sư) hợp lại thành Hội đồng thành viên. Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định cao nhất [1, Điều 15].

Hội đồng thành viên bầu một thành viên làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, đồng thời kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Hội đồng thành viên có quyền quyết định những vấn đề quan trọng nhất của công ty. Nếu Điều lệ công ty không quy định thì quyết định các vấn đề sau đây phải được ít nhất ba phần tư tổng số thành viên hợp danh chấp thuận: (i) *Phương hướng phát triển công ty*; (ii) *Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty*; (iii) *Tiếp nhận thêm thành viên hợp danh mới*,... [12, Điều 177]. Thành viên phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty; Trung thành với lợi ích của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;... Bên cạnh đó, cơ chế đại diện của công ty luật cũng được thực hiện qua tư cách của các luật sư. Các luật sư đều có quyền và trở thành người đại diện cho công ty trước pháp luật. Các thành viên phân công đảm nhiệm các chức danh quản lý, điều hành công ty tùy thuộc vào khả năng của từng người.

Nghị quyết của Hội đồng thành viên. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, nghị quyết của Hội đồng thành viên có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi tại nghị quyết đó. Trường hợp thành viên, nhóm thành viên yêu cầu Tòa án hoặc

Trọng tài hủy bỏ nghị quyết đã được thông qua thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài có hiệu lực thi hành [12, Điều 63].

- Chủ tịch hội đồng thành viên là người đứng đầu Hội đồng thành viên do các thành viên bầu, thực hiện các chức năng chủ yếu phục vụ cho cuộc họp của hội đồng thành viên và các hoạt động khác của hội đồng thành viên. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty [12, Điều 57].

- Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Giám đốc phải là luật sư và đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 18, điều 64 Luật doanh nghiệp. Giám đốc (Tổng giám đốc) được thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tại điều 64 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty. Nhiệm kỳ của Giám đốc Công ty là 5 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế [1, Điều 22].

Trong CTLHD các thành viên hợp danh có quyền đại diện theo pháp luật và tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty. Mọi hạn chế đối với thành viên hợp danh trong thực hiện công việc kinh doanh hằng ngày của công ty chỉ có hiệu lực đối với bên thứ ba khi người đó được biết về hạn chế đó. Trong điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, thành viên hợp danh phân công nhau đảm nhiệm các chức danh quản lý và kiểm soát công ty. Khi một số hoặc tất cả thành viên hợp danh cùng thực hiện một số công việc kinh doanh thì quyết định được thông qua theo nguyên tắc đa số.

Như vậy, có thể thấy trên một phương diện nào đó thì quy định của Luật doanh nghiệp thể hiện sự can thiệp khá sâu vào tổ chức, điều hành của công ty.

2.1.3. Quyền và nghĩa vụ của công ty luật hợp danh

Quyền và nghĩa vụ cơ bản của CTLHD là những quyền, nghĩa vụ được Nhà nước quy định trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật. Công ty luật hợp danh là doanh nghiệp vì vậy CTLHD có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp.

Về quyền của doanh nghiệp. Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp được thực hiện đầy đủ các quyền cơ bản như: tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm; tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh; lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn; chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng, ... [12, Điều 7].

Bên cạnh đó, CTLHD là loại công ty hợp danh đặc thù do đó công ty được thực hiện các quyền phù hợp với mục đích, bản chất pháp lý của công ty. Trong quá trình hoạt động CTLHD được thực hiện đầy đủ các quyền cơ bản sau đây:

- Thực hiện dịch vụ pháp lý.
- Nhận thù lao từ khách hàng.
- Thuê luật sư Việt Nam, luật sư nước ngoài và nhân viên làm việc cho tổ chức hành nghề luật sư.
- Hợp tác với tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài.
- Thành lập chi nhánh, văn phòng giao dịch trong nước.
- Đặt cơ sở hành nghề ở nước ngoài.
- Các quyền khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan [14, Điều 39].

Về nghĩa vụ. Công ty luật hợp danh thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định chung cho tất cả các doanh nghiệp như: đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của

Luật đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh; tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê; kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật,... [12, Điều 8]

Đồng thời đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đạt mục tiêu đề ra cũng như công ty luật hợp danh phải thực hiện nghiêm chỉnh các nghĩa vụ áp dụng riêng cho công ty. Cụ thể:

- Hoạt động theo đúng lĩnh vực hành nghề ghi trong Giấy đăng ký hoạt động.

- Thực hiện đúng những nội dung đã giao kết với khách hàng.

- Cử luật sư của tổ chức mình tham gia tố tụng theo phân công của Đoàn luật sư.

- Tạo điều kiện cho luật sư của tổ chức mình thực hiện trợ giúp pháp lý miễn phí.

- Bồi thường thiệt hại do lỗi mà luật sư của tổ chức mình gây ra cho khách hàng trong khi thực hiện tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng, dịch vụ pháp lý khác.

- Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho luật sư của tổ chức mình theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.

- Chấp hành quy định của pháp luật về lao động, thuế, tài chính, thống kê.

- Chấp hành các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc báo cáo, kiểm tra, thanh tra.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan [14, Điều 40].

Bên cạnh đó, để đảm bảo mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động, công ty luật hợp danh có thể thành lập các chi nhánh. Chi nhánh của công ty được

thành lập ở trong hoặc ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức hành nghề luật sư đăng ký hoạt động. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của công ty, hoạt động theo sự ủy quyền của công ty phù hợp với lĩnh vực hành nghề ghi trong Giấy đăng ký hoạt động. Công ty luật hợp danh phải chịu trách nhiệm về hoạt động của chi nhánh do mình thành lập. Công ty cử một luật sư làm Trưởng chi nhánh. Trưởng chi nhánh và thành viên của công ty làm việc tại chi nhánh có thể là luật sư của Đoàn luật sư ở địa phương nơi tổ chức hành nghề luật sư đăng ký hoạt động hoặc nơi có trụ sở của chi nhánh. Chi nhánh của CTLHD phải đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi có trụ sở của chi nhánh. CTLHD phải có hồ sơ đăng ký hoạt động của chi nhánh gửi Sở Tư pháp. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật [14, Điều 40]. Chi nhánh được hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh cho Sở Tư pháp, Đoàn luật sư ở địa phương nơi tổ chức hành nghề luật sư đăng ký hoạt động và Đoàn luật sư ở địa phương nơi có trụ sở của chi nhánh. Việc thành lập, hoạt động hoặc chấm dứt các chi nhánh của công ty luật hợp danh tuân thủ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

2.1.4. Thành viên công ty

Thành viên công ty là những người đầu tư góp vốn khi thành lập công ty hoặc trong quá trình công ty hoạt động. Bên cạnh đó, để trở thành thành viên công ty có thể được thực hiện thông qua các con đường khác nhau như: nhận chuyển nhượng vốn góp, thừa kế,... Trong điều hành hoạt động kinh

doanh của công ty, thành viên hợp danh phân công nhau đảm nhiệm các chức danh quản lý và kiểm soát công ty. Mỗi thành viên hợp danh đều có các quyền của chủ công ty. Các thành viên hợp danh có nghĩa vụ tiến hành quản lý và thực hiện công việc kinh doanh một cách trung thực, cẩn trọng và tốt nhất bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa cho công ty và tất cả thành viên. Trách nhiệm của thành viên hợp danh phát sinh ngay từ khi đăng ký trở thành thành viên công ty, chịu trách nhiệm kể cả khi chưa được hưởng lợi nhuận và kéo dài đến khi thực hiện xong các nghĩa vụ, kể cả khi đã chấm dứt tư cách thành viên. Tư cách thành viên hợp danh trong công ty chấm dứt khi thành viên đó chết hoặc bị tòa án tuyên đã chết, mất tích hay bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. ngoài ra, khi thành viên hợp danh rút vốn được sự đồng ý của các thành viên còn lại, hoặc bị khai trừ khỏi công ty, tư cách thành viên cũng chấm dứt. Tư cách thành viên hợp danh không thể chuyển nhượng hay thừa kế. Thành viên hợp danh đã chịu trách nhiệm vô hạn trong công ty hợp danh thì không thể chịu trách nhiệm vô hạn trong doanh nghiệp tư nhân hay trong một công ty hợp danh khác. Thành viên hợp danh không được quyền nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác thực hiện kinh doanh cùng ngành, nghề kinh doanh của công ty đó để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Trong công ty hợp danh ngoài thành viên hợp danh, công ty có thể có thành viên góp vốn. Tuy nhiên, công ty luật hợp danh thì có một loại thành viên duy nhất – thành viên hợp danh là các luật sư. Luật sư thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty. Luật sư hành nghề luật sư, lựa chọn hình thức hành nghề luật sư và hình thức tổ chức hành nghề luật sư theo quy định của pháp luật, hành nghề luật sư trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Bên cạnh đó, luật sư có thể được hành nghề luật sư ở nước ngoài và thực hiện các quyền khác theo quy định. Luật sư có các nghĩa vụ như: tuân

theo các nguyên tắc hành nghề luật sư; sử dụng các biện pháp hợp pháp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng; tham gia tố tụng trong các vụ án do cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu; thực hiện trợ giúp pháp lý miễn phí và các nghĩa vụ khác theo quy định.

Trong quá trình hành nghề, Luật sư không được tiết lộ thông tin về vụ, việc, về khách hàng mà mình biết được trong khi hành nghề, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác. Luật sư không được sử dụng thông tin về vụ, việc, về khách hàng mà mình biết được trong khi hành nghề vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Tổ chức hành nghề luật sư có trách nhiệm bảo đảm các nhân viên trong tổ chức hành nghề không tiết lộ thông tin về vụ, việc, về khách hàng của mình.

2.1.5. Hợp nhất, sáp nhập công ty luật hợp danh

Các công ty luật hợp danh cùng loại có thể hợp nhất hoặc sáp nhập. Việc hợp nhất, sáp nhập công ty luật được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp.

2.1.5.1. Hợp nhất công ty luật hợp danh.

Hai hoặc một số CTLHD (sau đây gọi là CTLHD bị hợp nhất) có thể hợp nhất thành một CTLHD mới (sau đây gọi là CTLHD hợp nhất), đồng thời chấm dứt tồn tại của các CTLHD bị hợp nhất. Việc hợp nhất công ty luật hợp danh được thực hiện theo thủ tục nhất định. Theo đó, các CTLHD bị hợp nhất chuẩn bị hợp đồng hợp nhất. Hợp đồng hợp nhất phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của các CTLHD bị hợp nhất; tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty hợp nhất; thủ tục và điều kiện hợp nhất; phương án sử dụng lao động; thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản, chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty bị hợp nhất thành phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty hợp nhất; thời hạn thực hiện hợp nhất; dự thảo

Điều lệ CTLHD hợp nhất. Các luật sư thành viên của các CTLHD bị hợp nhất thông qua hợp đồng hợp nhất, Điều lệ CTLHD hợp nhất, bầu hoặc bổ nhiệm các chức danh quản lý công ty như Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc CTLHD hợp nhất và tiến hành đăng ký hoạt động của CTLHD theo quy định. Cũng cần lưu ý rằng: để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của tổ chức, cá nhân liên quan, Hợp đồng hợp nhất phải được gửi đến các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông qua.

Sau khi đăng ký hoạt động, các CTLHD bị hợp nhất chấm dứt tồn tại; CTLHD hợp nhất được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của các CTLHD bị hợp nhất. Để kiểm soát, hạn chế tối đa những tổn hại có thể phát sinh từ việc hợp nhất thực hiện bởi các hành vi vi phạm pháp luật, Sở Tư pháp – nơi công ty đăng ký hoạt động cần cập nhật tình trạng pháp lý của CTLHD bị hợp nhất.

2.1.5.2. Sáp nhập công ty luật hợp danh.

Một hoặc một số công ty (sau đây gọi là công ty bị sáp nhập) có thể sáp nhập vào một công ty khác (sau đây gọi là công ty nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của công ty bị sáp nhập. Thủ tục sáp nhập công ty được quy định như sau:

a) Các công ty liên quan chuẩn bị hợp đồng sáp nhập và dự thảo Điều lệ công ty nhận sáp nhập. Hợp đồng sáp nhập phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty nhận sáp nhập; tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty bị sáp nhập; thủ tục và điều kiện sáp nhập; phương án sử dụng lao động; cách thức, thủ tục, thời hạn và điều kiện chuyển đổi tài sản, ...

b) Các thành viên của các công ty liên quan thông qua hợp đồng sáp nhập, Điều lệ công ty nhận sáp nhập và tiến hành đăng ký doanh nghiệp công

ty nhận sáp nhập theo quy định của Luật này. Hợp đồng sáp nhập phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông qua;

c) Sau khi đăng ký doanh nghiệp, công ty bị sáp nhập chấm dứt tồn tại; công ty nhận sáp nhập được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của công ty bị sáp nhập.

2.1.6. Chấm dứt hoạt động của công ty luật hợp danh

Việc chấm dứt hoạt động của công ty thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện hoặc bắt buộc. Ví dụ, trường hợp công ty chấm dứt hoạt động trên cơ sở thống nhất của các thành viên tự chấm dứt hoạt động hoặc do các điều kiện khách quan như: công ty bị hợp nhất, sáp nhập. Theo đó, CTLHD phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp, Đoàn luật sư ở địa phương nơi đăng ký hoạt động và nơi có trụ sở của chi nhánh chậm nhất là ba mươi ngày, trước thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động. Trước thời điểm chấm dứt hoạt động, công ty phải nộp đủ số thuế còn nợ; thanh toán xong các khoản nợ khác; làm xong thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động đã ký với luật sư, nhân viên của tổ chức hành nghề luật sư; thực hiện xong các hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký với khách hàng. Trong trường hợp không thể thực hiện xong hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký với khách hàng thì phải thoả thuận với khách hàng về việc thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý đó.

Tuy nhiên, việc chấm dứt hoạt động của công ty khi có những hoạt động vi phạm pháp luật bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động hoặc Tất cả các thành viên của công ty luật hợp danh bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày thu hồi Giấy đăng ký hoạt động, Chứng chỉ hành nghề luật sư, Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản với Đoàn luật sư, cơ quan thuế ở địa phương nơi đăng ký hoạt

động và nơi có trụ sở của chi nhánh về việc thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, Chứng chỉ hành nghề luật sư. Trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động, Chứng chỉ hành nghề luật sư, công ty phải nộp đủ số thuế còn nợ; thanh toán xong các khoản nợ khác; làm xong thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động đã ký với luật sư, nhân viên của tổ chức hành nghề luật sư; đối với hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký với khách hàng nhưng chưa thực hiện xong thì phải thoả thuận với khách hàng về việc thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý đó.

2.1.7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về luật sư và tổ chức hành nghề luật sư

Nhà nước có vai trò quan trọng đối với quá trình thành lập, hoạt động của luật sư và các tổ chức hành nghề luật sư. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư. Tùy thuộc vào chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương sẽ thực hiện trách nhiệm của mình đối với hoạt động của luật sư và các tổ chức hành nghề luật sư. Theo đó, Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư và có các nhiệm vụ, quyền hạn như: xây dựng, trình Chính phủ quyết định chiến lược phát triển nghề luật sư, ban hành chính sách hỗ trợ cho Đoàn luật sư các tỉnh đặc biệt khó khăn và các chính sách khác hỗ trợ phát triển nghề luật sư; xây dựng, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành pháp luật về luật sư; cấp phép thành lập cơ sở đào tạo nghề luật sư; quy định chương trình khung đào tạo nghề luật sư; quy định chế độ bồi dưỡng bắt buộc về chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư; phối hợp với Bộ Tài chính quy định học phí đào tạo nghề luật sư; quản lý, tổ chức việc bồi dưỡng, đào tạo nghề luật sư; cấp, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư; cấp, thu hồi, gia hạn Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam cho

luật sư nước ngoài; cấp, thu hồi Giấy phép thành lập tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam; kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức luật sư và hành nghề luật sư; tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài tại Việt Nam [15, Điều 83],...

Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư tại địa phương và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Cho phép thành lập Đoàn luật sư; quyết định việc giải thể Đoàn luật sư sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; b) Phê duyệt đề án tổ chức đại hội của Đoàn luật sư; c) Tổ chức cấp, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam; d) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động của Đoàn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài tại địa phương,.... Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư tại địa phương.

2.1.8. Một số nhận xét, đánh giá

Thứ nhất, về quyền rút vốn của thành viên hợp danh (luật sư). Quyền rút vốn là một trong những quyền cơ bản của thành viên. Thành viên hợp danh được quyền chuyển nhượng toàn bộ vốn góp cho người khác nếu được các thành viên hợp danh còn lại đồng ý, có nghĩa là các thành viên hợp danh còn lại phải nhất trí [12, khoản 3 Điều 175]. Tuy nhiên, theo khoản 4 Điều 177 và điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 180, thì thành viên hợp danh được rút

vốn nếu được 2/3 tổng số thành viên đồng ý. Như vậy, điều quy định về cùng một vấn đề nhưng ngay trong một văn bản luật đã có sự xung đột. Điều này dẫn tới khả năng thực thi trong thực tiễn không cao.

Thứ hai, Công ty luật hợp danh không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào và cũng không được phát hành trái phiếu như những loại hình công ty khác có tư cách pháp nhân. Bản chất của trái phiếu như một quan hệ vay tài sản giữa doanh nghiệp với người chủ sở hữu trái phiếu, người chủ sở hữu trái phiếu không thể can dự vào việc quản trị công ty như người sở hữu vốn góp. Như vậy, khả năng huy động vốn của công ty là rất hạn chế so với các loại hình doanh nghiệp khác.

Thứ ba, theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật Doanh nghiệp năm 2014, CTHD có tư cách pháp nhân. Như vậy, CTLHD là loại CTHD đặc thù, công ty cũng không có tư cách pháp nhân. Điều này dường như mâu thuẫn với quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015, bởi theo đó thành viên của pháp nhân không chịu trách nhiệm thay cho pháp nhân đối với những giao dịch do pháp nhân thực hiện, trong khi chúng ta biết rằng, thành viên hợp danh chịu trách nhiệm vô hạn và liên đới với nhau về nghĩa vụ tài sản của công ty hợp danh.

Thứ tư, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 172, điểm d khoản 2 Điều 176 Luật Doanh nghiệp năm 2014, thì thành viên hợp danh chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty, liên đới chịu trách nhiệm thanh toán hết số nợ còn lại của công ty nếu tài sản của công ty không đủ để trang trải số nợ của công ty. Điều này có nghĩa chủ nợ chỉ được yêu cầu các thành viên hợp danh trả nợ tiếp khi tài sản CTHD đã được thanh lý hết nhưng không đủ, nếu trong thời gian đó mà thành viên hợp danh chủ động tâu tán tài sản thì sẽ ảnh hưởng tới chủ nợ rất nhiều. Công ty luật hợp danh chỉ gồm các luật sư là thành viên hợp danh công ty. Các luật sư liên

đối chịu trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính. Việc quy định như vậy dưới góc độ kinh tế có thể thấy công ty luật hợp danh phải chăng là chịu trách nhiệm hữu hạn đối với các khoản nợ.

Thứ năm, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 172 Luật Doanh nghiệp năm 2014, thì thành viên hợp danh của CTHD chỉ có thể là cá nhân, mà không thể là pháp nhân. Về vấn đề này, có quan điểm cho rằng: vì thành viên hợp danh phải chịu trách nhiệm vô hạn về nghĩa vụ tài sản nên chỉ có cá nhân mới phù hợp. Tuy nhiên, tác giả cho rằng: trách nhiệm vô hạn là phải lấy toàn bộ tài sản hiện có, thậm chí tài sản sẽ có trong tương lai để trả nợ cho đến khi hết nợ mới thôi. Hiện nay, xu thế mua bán và sáp nhập doanh nghiệp ngày càng nhiều, pháp nhân vẫn có thể kế thừa các quyền và nghĩa vụ cho nhau, vậy tại sao lại không thể quy định thành viên hợp danh trong công ty luật hợp danh ngoài cá nhân luật sư thì thành viên hợp danh có thể bao gồm các công ty luật TNHH được không.

2.2. Thực trạng pháp luật về công ty luật hợp danh tại thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. Các điều kiện thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng tới thực tiễn áp dụng pháp luật về công ty luật hợp danh tại thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 2 tháng 7 năm 1976, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất quyết định đổi tên Sài Gòn thành Thành phố Hồ Chí Minh, theo tên vị Chủ tịch nước đầu tiên của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nằm trong vùng chuyển tiếp giữa Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay bao gồm 19 quận và 5 huyện. Thành phố Hồ Chí Minh là một thành phố ở miền nam Việt Nam với Diện tích: 2.096 km², Dân số: 8,426 triệu (2016) có nhiều thuận lợi, cơ hội phát triển. Trong năm Thành phố Hồ Chí Minh có 2 mùa là biến thể của mùa hè: mùa mưa – khô rõ rệt. Mùa mưa được bắt đầu từ tháng 5 tới tháng 11 (khí hậu nóng ẩm, nhiệt độ cao mưa nhiều), còn mùa khô

từ tháng 12 tới tháng 4 năm sau (khí hậu khô, nhiệt độ cao và mưa ít). Trung bình, Thành phố Hồ Chí Minh có 160 tới 270 giờ nắng một tháng, nhiệt độ trung bình 27 °C, cao nhất lên tới 40 °C, thấp nhất xuống 13,8 °C. Hàng năm, thành phố có 330 ngày nhiệt độ trung bình 25 tới 28 °C.

2.2.1.1. Thuận lợi

Thứ nhất, về chính sách phát triển kinh tế. Thành phố Hồ Chí Minh giữ vai trò đi đầu trong kinh tế của Việt Nam. Thành phố chiếm 0,6% diện tích và 8,34% dân số của Việt Nam nhưng chiếm tới 20,5% tổng sản phẩm GDP, 27,9% giá trị sản xuất công nghiệp và 37,9% dự án nước ngoài. Năm 2012, GDP đạt khoảng 9,2%, trong đó khu vực dịch vụ đạt khoảng 10,8%, công nghiệp và xây dựng đạt khoảng 9,2%, nông lâm và thủy sản đạt 5%. GDP bình quân đầu người đạt 3.700 USD. Thu ngân sách năm 2012 ước đạt 215.975 tỷ đồng, nếu không tính ghi thu chi là 207.000 tỷ đồng, đạt 92,42% dự toán, bằng 105,40% so với cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa đạt 109.500 tỷ đồng, bằng 88,81% dự toán, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 70.000 tỷ đồng, bằng 88,72% dự toán...

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ TP Hồ Chí Minh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015-2020 xác định mục tiêu đến năm 2020 phấn đấu hình thành 500.000 doanh nghiệp (DN). Hiện thành phố có hơn 300.000 DN và để hoàn thành mục tiêu như nghị quyết đề ra, cấp ủy, chính quyền các cấp của TP Hồ Chí Minh còn phải phấn đấu, nỗ lực rất nhiều. Tuy vậy, nếu nhìn con số năm 2014, thành phố phát triển thêm 25.000 DN thì sang năm 2015 con số này tăng lên 31.300 và lên 36.300 DN trong năm 2016. Năm 2017, dự kiến số DN thành lập mới sẽ đạt khoảng 43.500 [41]. Điều này cho thấy thành phố đang có bước đi phù hợp trong xây dựng và phát triển cộng đồng DN. Tỷ lệ đầu tư vốn của tư nhân tại địa phương chiếm 63% nền kinh tế, trong tương lai còn tăng mạnh.

Thứ hai, định hướng phát triển bền vững các doanh nghiệp. Thành phố Hồ Chí Minh đang chú ý định hướng hoạt động đối với các DN mới thành lập, đi vào các ngành nghề, lĩnh vực có giá trị cao, phù hợp với cơ cấu kinh tế theo đặc thù phát triển của thành phố; phát triển đến đâu phải chắc chắn đến đó. Để triển khai thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ X, thiết thực triển khai hiệu quả Nghị quyết Trung ương 5, khóa XII về “Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, thành phố đặc biệt chú trọng đến việc tạo môi trường thuận lợi về thể chế và tâm lý xã hội cho sự phát triển của kinh tế tư nhân. Thành phố vừa đề cao trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức ở các cơ quan hành chính, vừa rà soát, đơn giản hóa và bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, tạo thuận lợi và giảm tối đa thời gian, chi phí cho DN và người dân, thực hiện thủ tục thành lập DN đăng ký tại nhà... Để khuyến khích đầu tư, ngoài những quy định của Trung ương, thành phố tiếp tục triển khai một số chính sách riêng hỗ trợ DN phát triển như: Chương trình kích cầu đầu tư, khuyến khích phát triển nông nghiệp công nghệ cao, phát triển công nghiệp hỗ trợ, hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp, chương trình kết nối ngân hàng-DN... Bằng những chương trình hết sức cụ thể, thành phố cam kết các DN mới thành lập và thành lập từ hộ kinh doanh được hỗ trợ bằng nhiều hình thức. UBND thành phố đã có Quyết định số 4181/QĐ-UBND ngày 15-8-2016 về hỗ trợ DN nhỏ và vừa đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế. Mới đây, UBND thành phố cũng vừa lên kế hoạch về DN, doanh nhân đồng hành cùng thành phố phát triển giai đoạn 2017-2022 với nhiều mục tiêu cụ thể. Trong đó, bao gồm tăng số lượng trung bình mỗi năm 60.000 DN; tăng nộp ngân sách Nhà nước hằng năm 10% và việc làm tăng 5% mỗi năm [41].

Sự phát triển của DN cũng chính là sự phát triển của thành phố. Thành phố sẽ tăng cường cải cách hành chính, tổ chức đối thoại công khai định kỳ ít

nhất 2 lần/năm để kịp thời nắm bắt và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho DN. Quá trình thực hiện những chính sách mang tính đột phá trên đã tạo tâm lý xã hội cho sự phát triển của kinh tế tư nhân, bảo đảm các yếu tố thuận lợi, kích thích phong trào khởi nghiệp của thành phố tăng mạnh trong thời gian tới. Hiện, thành phố đã hỗ trợ hơn 300 dự án khởi nghiệp, gần 800 nhà khởi nghiệp sáng tạo, thông qua hoạt động tư vấn, đào tạo, kết nối, ương tạo, tổ chức tập huấn cho gần 100 DN với hơn 200 lượt học viên về hệ thống quản lý chất lượng và các công cụ nâng cao năng lực, kiến thức và phương pháp tổ chức hoạt động về đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng.

Thứ ba, về dân cư và tốc độ phát triển dân cư. Năm 2015, Thành phố Hồ Chí Minh có 8.224.000 triệu người, chiếm 9% dân số toàn Việt Nam, tăng thêm 1 triệu người so với năm 2009 (dân số tại thời điểm này là 7.162.864 người). Sự phân bố dân cư ở Thành phố Hồ Chí Minh không đồng đều. Trong khi một số quận như 4, 5, 10 và 11 có mật độ lên tới trên 40.000 người/km², thì huyện ngoại thành Cần Giờ có mật độ tương đối thấp 98 người/km². Về mức độ gia tăng dân số, trong khi tỷ lệ tăng tự nhiên khoảng 1,07% thì tỷ lệ tăng cơ học lên tới 2,5%. Những năm gần đây dân số các quận trung tâm có xu hướng giảm, trong khi dân số các quận mới lập vùng ven tăng nhanh, do đón nhận dân từ trung tâm chuyển ra và người nhập cư từ các tỉnh đến sinh sống. Theo thống kê của tổng cục thống kê Việt Nam, tính đến ngày 1 tháng 4 năm 2009, toàn Thành phố Hồ Chí Minh có đủ 54 thành phần dân tộc cùng người nước ngoài sinh sống. Trong đó, nhiều nhất là người Kinh có 6.699.124 người, các dân tộc khác như người Hoa có 414.045 người, người Khmer có 24.268 người, người Chăm 7.819 người, người Tày có 4.514 người, người Mường 3.462 người, ít nhất là người La Hủ chỉ có một người [32].

Như vậy, tỷ lệ dân số, tốc độ phát triển và việc phân bố dân cư tại thành phố Hồ Chí Minh là những điều kiện để có thể lựa chọn hay mở rộng sự phát triển của công ty, trong đó có công ty luật hợp danh.

Thứ tư, thuận lợi về vị trí, địa hình. Thành phố Hồ Chí Minh có tọa độ 10°10' – 10°38' Bắc và 106°22' – 106°54' Đông, phía Bắc giáp tỉnh Bình Dương, Tây Bắc giáp tỉnh Tây Ninh, Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Đồng Nai, Đông Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây và Tây Nam giáp tỉnh Long An và Tiền Giang. Nằm ở miền Nam Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh cách Hà Nội 1.730 km theo đường bộ, trung tâm thành phố cách bờ biển Đông 50 km theo đường chim bay. Với vị trí tâm điểm của khu vực Đông Nam Á, Thành phố Hồ Chí Minh là một đầu mối giao thông quan trọng về cả đường bộ, đường thủy và đường không, nối liền các tỉnh trong vùng và còn là một cửa ngõ quốc tế.

Với vị trí, địa hình tại thành phố Hồ Chí Minh có thể tạo điều kiện cho sự phát triển các loại hình doanh nghiệp trên các lĩnh vực khác nhau. Các doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có công ty luật hợp danh không chỉ thuận lợi khi thành lập, gia nhập thị trường trong nước mà có thể còn mở rộng quy mô ở ngoài nước, trước hết là các quốc gia lân cận.

2.2.1.2. Khó khăn.

Một là, Theo kết quả điều tra dân số chính thức vào thời điểm ngày 1 tháng 4 năm 2009, thì dân số thành phố là 7.162.864 người (chiếm 8,34% dân số Việt Nam), mật độ trung bình 3.419 người/km². Đến năm 2011, dân số thành phố tăng lên 7.521.138 người. [33] Theo thống kê của Tổng cục Thống kê năm 2014, thì dân số thành phố Hồ Chí Minh là 7.981.900 người. Tuy nhiên, nếu tính những người cư trú không đăng ký thì dân số thực tế của thành phố này năm 2017 là 14 triệu người [32]. Mật độ dân cư lớn nhất cả nước nhưng bố trí không đồng đều giữa các vùng miền, nội thành, ngoại thành do đó cũng đặt ra một thực tế là sự ra đời và phát triển của các doanh nghiệp chủ yếu ở nội thành. Các doanh nghiệp, công ty vùng ngoại thành ít có cơ hội nâng cao năng lực và khả năng cạnh tranh với công ty nội thành về tiềm lực, nguồn lực ...

Hai là, Hiện nay, thành phố Hồ Chí Minh có 4.530 luật sư, trong đó gia nhập mới năm 2016 là 558 luật sư, trong đó số tập sự hành nghề luật sư là 2.2.99. Theo số liệu thống kê của Sở Tư pháp, có 1.354 tổ chức hành nghề luật sư và 130 luật sư hành nghề cá nhân có đăng kí hoạt động [17]. Có thể nhận thấy, luật sư và các tổ chức hành nghề luật sư tại thành phố Hồ Chí Minh tăng mạnh về số lượng và cũng chủ yếu tập trung tại khu vực nội thành. Bên cạnh đó, trình độ năng lực của khá nhiều luật sư cũng như khả năng hoạt động của các công ty luật, Văn phòng luật sư chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của người dân và xã hội. Có lẽ số lượng luật sư hành nghề trên cả nước nói chung và tại thành phố Hồ Chí Minh nói riêng đạt tầm khu vực cũng không phải là đa số. Điều đó tác động ngay đến hoạt động của luật sư hay các công ty luật khi trên thị trường xuất hiện ngày càng nhiều các luật sư hay công ty luật nước ngoài tại thành phố Hồ Chí Minh.

Ba là, số lượng dân cư đông nhưng bao gồm nhiều tầng lớp khác nhau, từ công chức thị thành đến dân di cư hay lao động tự do. Nhận thức và ý thức pháp luật trong việc chấp hành các quy định còn ở mức độ nhất định. Bên cạnh đó, số lượng người di cư từ nông thôn về thành thị ngày một gia tăng nhưng bản thân họ lại là những đối tượng dễ bị tổn thương và thậm chí còn nghèo về phương diện kinh tế. Phải chăng đây cũng là một khó khăn cho sự hình thành và phát triển của các công ty luật tại thành phố Hồ Chí Minh? Một công ty luật không trường vốn, hoạt động tầm trung thì việc phát triển một cách bền vững có lẽ sẽ gặp không ít trở ngại cho dù định hướng chính sách phát triển doanh nghiệp tại thành phố mang lại rất nhiều cơ hội.

2.2.2. Một số kết quả đạt được

Trên cơ sở Kế hoạch triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư đã ban hành, một số Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành Kế hoạch triển khai Luật tại địa phương, kế

hoạch, chỉ thị... triển khai các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương về công tác tư pháp (*đến nay, đã có 40/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Kế hoạch triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư*); tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư bằng nhiều hình thức như tọa đàm, hội thảo, biên soạn, phát hành các tài liệu phổ biến, giới thiệu Luật; phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông xuất bản sách nghiệp vụ về luật sư và hành nghề luật sư, tổ chức thực hiện các chuyên mục, chương trình, tin, bài phổ biến nội dung của Luật luật sư, vị trí, vai trò của luật sư trong xã hội. Thực hiện tương đối tốt nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 83 Luật luật sư. Công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động luật sư được các địa phương tiến hành thường xuyên theo định kỳ hàng năm, qua đó đã kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư, chấn chỉnh những thiếu sót, góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho hoạt động hành nghề luật sư. Để hỗ trợ cho công tác quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư có hiệu quả, nhiều tỉnh, thành phố đã có sáng tạo trong việc rà soát các thủ tục hành chính, áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2008; tin học hóa mạnh mẽ công tác quản lý nhà nước nói chung và công tác quản trị công ty luật và hành nghề luật sư nói riêng... Nhiều địa phương đã tiến hành đổi mới, kiện toàn bộ máy cơ quan quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư; tăng cường cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết khác để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư. Một số địa phương, trong đó có Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về tình hình luật sư và hành nghề luật sư trên địa bàn.

Thứ nhất, về thành lập, đăng ký hoạt động của các công ty luật. Trong năm 2014, cả nước có thêm gần 200 tổ chức hành nghề luật sư so với năm

2013 (xấp xỉ 95%), nâng tổng số tổ chức hành nghề luật sư lên 3.408 tổ chức với 2.322 văn phòng luật sư và 1.086 công ty luật [2, tr2] Trên cơ sở thể chế về luật sư được hoàn thiện, nhu cầu sử dụng dịch vụ pháp lý tăng cao của cơ quan, tổ chức và cá nhân, các tổ chức hành nghề luật sư đã tiếp tục được thành lập mới, củng cố và phát triển. Một số công ty luật lớn đã hình thành, hoạt động chuyên nghiệp, có khả năng cạnh tranh với các công ty nước ngoài trong khu vực (như Công ty luật VILAF, YKVN, SMiC...).

Tại thành phố Hồ Chí Minh, tính đến ngày 30-9-2015, Đoàn Luật sư Tp. Hồ Chí Minh có 4.190 luật sư và 2.090 người tập sự hành nghề luật sư, hoạt động trong 934 văn phòng và 392 công ty luật trong toàn thành phố. Điều lệ Đoàn Luật sư Tp. Hồ Chí Minh được Đại hội Đại biểu luật sư lần thứ V nhiệm kỳ 2008-2013 thông qua ngày 03-10-2010, đã được Ủy Ban Nhân dân TP.HCM phê duyệt ngày 30-5-2012. Theo quy định của Luật luật sư 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2012) và Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam đã được Đại hội Đại biểu Luật sư toàn quốc thông qua ngày 14-5-2015, Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt ngày 28-8-2015; Điều lệ Đoàn Luật sư Tp. Hồ Chí Minh hết hiệu lực kể từ ngày 28-8-2015. Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư TP. Hồ Chí Minh đã phân công các thành viên Ban Chủ nhiệm chuẩn bị soạn thảo Nội quy của Đoàn để thông qua Đại hội Đại biểu Luật sư sẽ được triệu tập năm 2016. Hiện nay, thành phố Hồ Chí Minh có 4.530 luật sư, trong đó gia nhập mới năm 2016 là 558 luật sư, trong đó số người tập sự hành nghề luật sư là 2.2.99. Theo số liệu thống kê của Sở Tư pháp, có 1.354 tổ chức hành nghề luật sư và 130 luật sư hành nghề cá nhân có đăng kí hoạt động [17, tr2].

Bên cạnh đó, việc quản lý hoạt động luật sư nước ngoài tại Việt Nam, trong năm 2014, Bộ Tư pháp đã tiếp nhận, thẩm tra và cấp 30 Giấy phép hành nghề tại Việt Nam cho luật sư nước ngoài, cấp 10 Giấy phép thành lập chi

nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam, nâng tổng số luật sư nước ngoài được cấp Giấy phép hành nghề tại Việt Nam lên 397 luật sư và 67 tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam. Theo báo cáo của 02/03 địa phương có hoạt động hành nghề của luật sư và tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam (Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh), trong 06 tháng đầu năm 2014, các tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam đã thực hiện 4.250 vụ việc, doanh thu đạt 691.000.738.000 đồng, nộp thuế vào ngân sách nhà nước đạt 106.555.785.000 đồng.

Thứ hai, về kết quả tranh tụng. Năm 2016 thực hiện 1.285 vụ, trong đó do khách hàng yêu cầu là 704 vụ; do chỉ định: 369 vụ. Các luật sư tham gia tố tụng đã nêu cao tinh thần trong việc bảo vệ quyền lợi của khách hàng cũng như theo yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng, trong đó nhiều vụ ngay từ giai đoạn điều tra các luật sư tham gia việc hỏi cung, tiếp xúc, thăm gặp góp phần vào việc làm sáng tỏ sự thật của vụ án. Tại Tòa án, các luật sư đã nghiên cứu kỹ hồ sơ, nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa. Hoạt động luật sư trong lĩnh vực hình sự còn gặp một số khó khăn trong việc đề nghị cấp giấy chứng nhận người bào chữa. Việc bị can bị tạm giữ từ chối người bào chữa do thân nhân yêu cầu đã xảy ra trong giai đoạn điều tra một số vụ án nghiêm trọng; Nhưng sau khi kết thúc điều tra bị can lại đồng ý nhờ luật sư. Việc này tuy không phổ biến, nhưng là hiện tượng không bình thường trong hoạt động tố tụng hình sự! Về kết quả tranh tụng các vụ án phi hình sự. Các vụ án này phần lớn do khách hàng yêu cầu, chỉ một số ít do Trung tâm trợ giúp pháp lý phân công bảo vệ quyền lợi cho các đối tượng thuộc diện trợ giúp pháp lý.

Thứ ba, về kết quả tư vấn pháp luật. Việc tư vấn pháp luật cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, xã hội, các cá nhân được thực hiện một cách thương xuyên và có hiệu quả. Tổng số tư vấn pháp luật là 120.415 lượt. Về dịch vụ pháp lý: 3.984 vụ; về tư vấn pháp luật miễn phí: 65.417 lượt. Hoạt động tư vấn pháp luật đã mang lại hiệu quả thiết thực cho các đối

tượng có nhu cầu, theo đó họ có thể lựa chọn những biện pháp tối ưu để giải quyết các vụ việc liên quan.

Thứ tư, về giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh, trong năm 2016 đã thụ lý 247 vụ việc khiếu nại, tố cáo. Trong đó: Số do nhiệm kỳ V chuyển qua 108 vụ việc- Số mới thụ lý trong nhiệm kỳ VI là 139 vụ việc. Đã giải quyết 206 vụ việc, đạt tỷ lệ 83,40% [17, tr 3]. Trong đó ra thông báo xem xét kỷ luật 26 vụ việc, có văn bản trả lời không khiếu nại không có căn cứ hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Đoàn Luật sư 181 vụ việc. Các thành viên hội đồng Khen thưởng, kỷ luật đã hết sức tích cực và tận tâm trong công việc được giao.

Thứ năm, về bồi dưỡng nghiệp vụ. Một trong những vấn đề cốt lõi thành công của CTLHD đó là nâng cao trình độ nghiệp vụ của luật sư. Thực tế cho thấy, Luật sư tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, có nhiều luật sư tham gia số giờ trong năm là 16 giờ/năm là 1.946, số còn lại 590 luật sư đạt 8 giờ/năm. 6 tháng đầu năm 2016 có 1.000 lượt luật sư tham gia. Các chuyên đề bồi dưỡng mang tính thiết thực như: những điểm mới của Bộ luật dân sự, Bộ luật hình sự; Bộ luật tố tụng hình sự; Bộ luật tố tụng dân sự; kỹ năng tư vấn pháp luật; các chuyên đề về hành chính, lao động, nâng cao đạo đức nghề nghiệp luật sư, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ rất lớn, Đoàn Luật sư thành phố chưa thể đáp ứng do số lượng luật sư lớn, tần suất mở lớp thường xuyên nên khó khăn về báo cáo viên (năm 2015 mở 25 lớp). Năm 2016 tính đến hết tháng 11- 2016 Đoàn đã mở được 14 lớp bồi dưỡng và thực hiện Kế hoạch phối hợp số 3104/KH-STP-ĐLS về tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng quản trị tổ chức hành nghề luật sư, đoàn luật sư phối hợp với với Sở Tư pháp mở 02 lớp tập huấn cho các luật sư là trưởng Văn phòng và giám đốc công ty luật, có 170 luật sư đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành tập huấn.

2.2.3. Một số khó khăn, vướng mắc

Mặc dù hoạt động của luật sư, các tổ chức hành nghề luật sư, trong đó có CTLHD tại Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được những kết quả nhất định trên nhiều phương diện khác nhau. Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về luật sư, công ty luật hợp danh, công ty luật trách nhiệm hữu hạn tại thành phố Hồ Chí Minh vẫn bộc lộ những khó khăn, vướng mắc chủ yếu sau:

Một là, về đội ngũ luật sư: Tuy có sự gia tăng nhanh chóng số lượng luật sư, nhưng chất lượng hoạt động hành nghề luật sư chưa đồng đều, chưa đáp ứng được nhu cầu xã hội, nhất là trong hoạt động liên quan hội nhập kinh tế quốc tế. Số luật sư thực sự sống bằng nghề chưa cao (không quá 65%), hoạt động hành nghề hầu hết phân tán nhỏ lẻ. Trong đó, trình độ của các luật sư với các mức độ khác nhau. Chất lượng hoạt động nghề nghiệp của luật sư có thể chưa đáp ứng được yêu cầu, nhu cầu của các tổ chức, cá nhân. Mặc dù Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh cũng mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn bắt buộc. Tuy nhiên, với số lượng luật sư quá lớn như hiện nay thì việc mở các lớp bồi dưỡng nếu tính bình quân 2 lớp/1 tháng cũng không thể đảm bảo được quy 16 giờ/luat sư/năm. Bên cạnh đó, trung bình mỗi một lớp bình quân 200- 500 luật sư/lớp và phải thuê mượn hội trường để tổ chức. Nếu nâng số lượng lên thì chất lượng không đảm bảo cho điều kiện trao đổi. Các tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, trong đó có CTLHD đa số có quy mô hoạt động nhỏ, chủ yếu hoạt động dưới hình thức văn phòng luật sư, chỉ có từ 1-2 luật sư nên tính chuyên nghiệp hóa còn hạn chế; một số tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam chưa nghiêm túc tuân thủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật luật sư.

Hai là, chất lượng và ý thức trách nhiệm của đội ngũ luật sư chưa cao. Hiệu quả tham gia tố tụng của luật sư vẫn còn chưa đáp ứng được yêu cầu

tranh tụng tại phiên toà theo tinh thần cải cách tư pháp. Khi tham gia tố tụng trong vụ án theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, một số luật sư bào chữa còn có tâm lý bào chữa qua loa, chưa thực sự đầu tư thời gian, công sức và chuyên môn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được bào chữa... Số lượng luật sư thông thạo ngoại ngữ, am hiểu pháp luật quốc tế, đủ khả năng tham gia đàm phán, ký kết hợp đồng, giải quyết các tranh chấp quốc tế, luật sư chuyên sâu trong các lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, thương mại còn ít.

Việc tuân thủ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam vẫn chưa được nhận thức một cách đầy đủ, chưa trở thành ý thức tự giác. Trong quá trình hành nghề, một số luật sư còn bị xử lý kỷ luật, thậm chí, bị truy cứu trách nhiệm hình sự ảnh hưởng rất lớn đến uy tín của công ty và ngay cả các luật sư. Trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo ý thức của luật sư còn nhiều vấn đề cần quan tâm. Nhiều trường hợp luật sư bất hợp tác không đến theo thư mời vụ việc phải kéo dài do phải đi xác minh. Quá trình xác minh nhiều trường hợp công ty thay đổi trụ sở, chưa kịp thời thông báo nên khó khăn trong việc giải quyết.

Ba là, việc luật sư cá nhân và luật sư thành viên CTLHD tham gia vào các vụ án do Tòa chỉ định, đặc biệt các vụ án liên quan đến vị thành viên, người có nhược điểm về thể chất, tinh thần còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng. Vai trò của luật sư tham gia vào các vụ án lớn, vụ án điểm hay tham vấn, tư vấn các Dự án lớn của Chính phủ, cơ quan nhà nước chưa xứng tầm. Hoạt động tham gia trợ giúp pháp lý mới tập trung vào trợ giúp pháp lý lưu động, tư vấn soạn thảo đơn từ mà chưa ưu tiên, tập trung vào trợ giúp pháp lý trong án vụ án hình sự cho người nghèo và đối tượng chính sách.

Bốn là, trong quá trình hành nghề, luật sư nói chung và luật sư thành viên CTLHD nói riêng còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc thực

hiện các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, đặc biệt tham gia giai đoạn điều tra trong các vụ án hình sự. Mặc dù các quy định của pháp luật về tố tụng đã tạo điều kiện tương đối thuận lợi cho luật sư tham gia vào các quy trình tố tụng, tuy nhiên, một số cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng chưa nghiêm trong việc tổ chức thực thi pháp luật và tự mình thực thi pháp luật... Quá trình tham gia tố tụng của luật sư vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc trong quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng, nhất là việc cấp giấy chứng nhận người bào chữa và sự tham gia của luật sư trong giai đoạn điều tra.

Đối với các nước theo hệ thống luật án lệ, quyền của luật sư trong tố tụng được mở rộng hơn so với các nước theo hệ thống luật thành văn. Ở Úc, bất kỳ người nào vi phạm pháp luật cũng bị cảnh sát bắt. Việc đầu tiên khi bắt người là cảnh sát phải có nhiệm vụ thông báo cho người bị bắt về quyền và nghĩa vụ của họ. Cụ thể là người bị bắt có quyền im lặng cho đến khi có luật sư của mình, bởi lẽ bất kỳ lời nói nào của bị can cũng có thể được coi là chứng cứ và ảnh hưởng đến trách nhiệm của người bị bắt [23]. Theo hệ thống luật án lệ (Anh, Úc, Mỹ), luật sư được quyền tham gia vào bất kỳ giai đoạn nào của quá trình tố tụng, kể từ khi bắt giữ. Vai trò của luật sư trong giai đoạn đầu của quá trình điều tra là làm cho bị can hiểu rõ về quyền và trách nhiệm của mình. Luật sư có vai trò rất quan trọng từ quá trình điều tra cho đến khi xét xử và buộc tội. Bị can không bị hỏi cung khi chưa có luật sư bảo vệ trừ khi bị can từ chối thuê luật sư.

Tuy nhiên, ở Thái Lan, quyền và trách nhiệm của luật sư được quy định trong Luật về luật sư 1985, Bộ Luật tố tụng hình sự, Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình điều tra, luật sư được quyền gặp gỡ bị can, được tư vấn cho bị can về quyền và trách nhiệm. Tuy nhiên, luật sư không được đại diện cho bị can trong quá trình điều tra và cũng không được thay mặt bị can trả lời các

câu hỏi của nhân viên điều tra. Khi xét xử, luật sư được quyền đại diện cho khách hàng bào chữa và bảo vệ quyền và lợi ích của khách hàng. Được đưa ra chứng cứ và được thẩm định chứng cứ do công tố viên đưa ra trước tòa án.

Bên cạnh đó, việc thực hiện Luật luật sư và Chiến lược phát triển nghề luật sư chưa đạt được nhiều kết quả; công tác quản lý nhà nước mới tập trung vào quản lý hành chính mà chưa xây dựng được những chính sách mang tính đột phá trong việc tạo điều kiện, hỗ trợ phát triển nghề luật sư tại địa phương.

2.2.4. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập

Một là, mức độ chuyên sâu, chuyên nghiệp của luật sư thành viên trong công ty chưa đồng đều, còn có sự khác biệt giữa các công ty với các điều kiện kinh tế, xã hội khác nhau. Nguyên nhân là do số lượng luật sư trong thời gian qua đã phát triển nhanh nhưng sự phân bố không đồng đều giữa khu vực thành thị và các huyện của thành phố. Bên cạnh đó, khả năng thu hút, phát triển đội ngũ luật sư trẻ, có trình độ, năng lực tại các huyện còn hạn chế, điều này làm ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng tiếp cận dịch vụ pháp lý của người dân tại các khu vực này.

Công ty luật hợp danh thường chỉ có 2-3 luật sư nên tính chuyên nghiệp hóa để giải quyết những vụ việc, vụ án hoặc thực hiện dịch vụ tư vấn nhiều khi còn vượt quá khả năng của luật sư và công ty. Luật sư chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc tham gia tổ chức, điều hành công ty luật chưa cao, nhiều khi còn mang tính chủ quan. Bên cạnh đó, hiệu quả tham gia tố tụng của luật sư vẫn còn chưa đáp ứng được yêu cầu tranh tụng tại phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp. Khi tham gia tố tụng trong vụ án theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, một số luật sư bào chữa còn có tâm lý bào chữa qua loa, chưa thực sự đầu tư thời gian, công sức và chuyên môn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được bào chữa... Số lượng luật sư thông thạo ngoại ngữ, am hiểu pháp luật quốc tế, đủ khả năng tham gia đàm phán,

ký kết hợp đồng, giải quyết các tranh chấp quốc tế, luật sư chuyên sâu trong các lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, thương mại còn ít. Việc tuân thủ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam vẫn chưa được nhận thức một cách đầy đủ, chưa trở thành ý thức tự giác, một số luật sư còn bị xử lý kỷ luật, thậm chí, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Bên cạnh đó, thực tế cho thấy việc thu hồi thẻ luật sư khi có thành viên xin rút tên chưa được thực hiện triệt để. Thẻ Luật sư được Liên đoàn Luật sư Việt Nam cấp cho luật sư khi gia nhập Đoàn Luật sư Thành phố đều ghi rõ luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Khi Luật sư xin rút tên khỏi danh sách thành viên Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh và có Quyết định cho rút tên nếu không thu hồi thẻ thì luật sư vẫn sử dụng thẻ này để tiếp tục hành nghề với tư cách là thành viên Đoàn Luật sư Thành phố. Hành vi này của luật sư ảnh hưởng không nhỏ tới Đoàn luật sư, công ty luật và gây phương hại tới lợi ích của công ty và các luật sư còn lại.

Hai là, Công ty luật hợp danh là một tổ chức hành nghề luật sư. Một trong những yếu tố tác động đến hiệu quả hoạt động của công ty có gắn liền với luật sư khi họ hành nghề. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, việc luật sư tham gia vào các vụ án do Tòa chỉ định, đặc biệt các vụ án liên quan đến vị thành viên, người có nhược điểm về thể chất, tinh thần còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng. Vai trò của luật sư tham gia vào các vụ án lớn, vụ án điểm hay tham vấn, tư vấn các Dự án lớn của Chính phủ, cơ quan nhà nước chưa xứng tầm. Hoạt động tham gia trợ giúp pháp lý mới tập trung vào trợ giúp pháp lý lưu động, tư vấn soạn thảo đơn từ mà chưa ưu tiên, tập trung vào trợ giúp pháp lý trong án vụ án hình sự cho người nghèo và đối tượng chính sách. Chính điều này có ảnh hưởng rất lớn đến uy tín của luật sư, thương hiệu của công ty.

Ba là, việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của luật sư trong quá trình điều hành hoạt động của công ty. Đặc biệt, Luật sư còn gặp nhiều khó khăn, vướng

mắc trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, đặc biệt tham gia giai đoạn điều tra trong các vụ án hình sự. Mặc dù các quy định của pháp luật về tố tụng đã tạo điều kiện tương đối thuận lợi cho luật sư tham gia vào các quy trình tố tụng, tuy nhiên, một số cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng chưa nghiêm trong việc tổ chức thực thi pháp luật và tự mình thực thi pháp luật... Hiện nay luật sư khi tham gia tố tụng hình sự vẫn còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận hoạt động điều tra ngay từ ban đầu do sự chậm trễ về thủ tục cấp giấy chứng nhận người bào chữa của Cơ quan cảnh sát điều tra. Bên cạnh đó không chỉ cơ quan tiến hành tố tụng mà còn các cơ quan khác về hành chính cũng chưa thật sự tôn trọng khi có luật sư tham gia bảo vệ, quyền lợi ích cho khách hàng, thậm chí có cơ quan không cho luật sư tham dự các buổi làm việc mặc dù luật sư đã xuất trình đầy đủ các giấy tờ theo luật quy định.

Bốn là, công tác kiểm tra, thanh tra và phối kết hợp về tình hình tổ chức, hoạt động các công ty luật của cơ quan quản lý nhà nước chưa chặt chẽ, thường xuyên, do đó, những vướng mắc, khó khăn chưa được kịp thời phát hiện, tháo gỡ. Một số hành vi vi phạm pháp luật, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư chưa được nhắc nhở, uốn nắn, xử lý nghiêm minh. Một số ít cơ quan quản lý nhà nước chưa sát sao trong công tác quản trị công ty luật và hành nghề luật sư; chưa có điều kiện đầu tư về con người, cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu quản lý; việc áp dụng công nghệ thông tin còn có những hạn chế nhất định. Những điều đó có ảnh hưởng rất lớn đối với sự phát triển của các công ty luật cũng như các luật sư.

Sự phối hợp giữa Đoàn Luật sư với Liên đoàn Luật sư và các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác tự quản, kết hợp quản lý nhà nước và luật sư chưa tương xứng với tiềm năng vai trò vị thế của một Đoàn Luật sư ở thành phố lớn nhất trong cả nước, còn nặng về sự vụ hành chính, chưa đi vào thực chất phát huy thế mạnh Đoàn Luật sư TP.HCM [4, tr2].

Kết luận chương 2

Từ những kết quả nghiên cứu, tác giả rút ra một số kết luận sau:

1. Công ty luật hợp danh được quy định không chỉ trong Luật Doanh nghiệp, Luật Luật sư mà còn được quy định ở nhiều văn bản pháp luật khác. Những quy định về nguyên tắc, cơ quan tổ chức, quản lý, điều hành, thành viên, quyền và nghĩa vụ của công ty, ... đã tạo một khung pháp lý cho sự hoạt động của công ty.

2. Thành phố Hồ Chí Minh là một thành phố trực thuộc trung ương với các điều kiện về địa hình, dân cư, môi trường, chính sách, ... đã có những ảnh hưởng tới quá trình hình thành và phát triển của công ty luật hợp danh. Việc áp dụng các quy định của pháp luật về CTLHD tại thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được những kết quả nhất định trên nhiều phương diện như: số lượng luật sư, công ty luật, ý thức trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của luật sư.

3. Tuy nhiên, bên cạnh đó, thực tế cũng chứng minh rằng, các quy định về CTLHD đã bộc lộ những bất cập và hạn chế nhất định làm ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả hoạt động của công ty. Những bất cập, hạn chế đó thể hiện trên các phương diện về lý luận cũng như thực tiễn. Các bất cập và hạn chế về CTLHD do nhiều nguyên nhân khác nhau, từ nguyên nhân chủ quan, nội bộ công ty cho đến các nguyên nhân khách quan từ quy định tới quá trình áp dụng. Xác định và chỉ rõ nguyên nhân của sự bất cập, hạn chế về CTLHD là cơ sở cho việc xác định các yêu cầu và đưa ra các giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về CTLHD ở Việt Nam.

Chương 3

NHỮNG YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY LUẬT HỢP DANH Ở VIỆT NAM

3.1. Những yêu cầu của việc hoàn thiện pháp luật về công ty luật hợp danh

3.1.1. Việc hoàn thiện pháp luật về công ty luật hợp danh phải đáp ứng yêu cầu của điều kiện cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Đứng trước yêu cầu cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của các cơ quan tư pháp nhằm bảo vệ các quyền dân chủ của công dân, Đảng ta đã đề ra nhiều chủ trương, đường lối trong việc cải cách hệ thống tư pháp từ tổ chức đến cơ chế hoạt động. Quan điểm mang tính định hướng là cải cách tư pháp phải nằm trong chủ trương đổi mới bộ máy nhà nước, đổi mới hệ thống chính trị, gắn liền với nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Từ đó có thể nhận thấy việc đổi mới tổ chức và hoạt động luật sư nằm trong nội dung của cải cách tư pháp. Điều đó còn thể hiện mối quan hệ chặt chẽ và vai trò quan trọng của tổ chức và hoạt động luật sư đối với hoạt động tư pháp nói chung và hoạt động tố tụng nói riêng.

Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện một số bước quan trọng về cải cách tư pháp. Tổ chức, bộ máy của các cơ quan điều tra, kiểm sát, Tòa án, thi hành án và bộ trợ tư pháp trong đó có hoạt động luật sư đã có nhiều điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với sự phát triển của đất nước. Chức năng, nhiệm vụ của luật sư, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư đã được xác định rõ ràng hơn. Hoạt động luật sư ngày càng phát triển, khẳng định vị thế của mình, góp phần hỗ trợ đắc lực cho hoạt động tư pháp và nâng cao nhận thức pháp luật của nhân dân, hỗ trợ có hiệu quả cho công dân

trong việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Tuy nhiên, trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân thì tổ chức và hoạt động luật sư vẫn còn có những bất cập nhất định cần tiếp tục đổi mới.

Đổi mới quản trị công ty luật là tất yếu, khách quan, quá trình đó đòi hỏi những vấn đề sau đây:

- Cần khẳng định luật sư là một nghề trong xã hội và vì vậy tổ chức, hoạt động luật sư cần được xây dựng trên những nguyên tắc là một nghề chuyên nghiệp, nghề tự do;

- Cần tạo cơ sở pháp lý thuận lợi để phát triển đội ngũ luật sư chuyên nghiệp để đáp ứng nhu cầu về luật sư tham gia tố tụng, tư vấn pháp luật cho cá nhân, tổ chức nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ cũng như hỗ trợ đắc lực cho hoạt động xét xử;

- Từng bước chuẩn hóa các tiêu chuẩn luật sư phù hợp với các yêu cầu, điều kiện cụ thể của sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, nhưng phải bảo đảm đáp ứng các chuẩn mực về mặt chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp, phù hợp với điều kiện hành nghề của luật sư trong khu vực và trên thế giới;

- Đề cao trách nhiệm cá nhân của luật sư, luật sư là thành viên công ty nâng cao vai trò tự quản của tổ chức nghề nghiệp của luật sư, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với nghề luật sư;

- Từng bước hoàn chỉnh hệ thống văn bản điều chỉnh nghề luật sư, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho nghề luật sư Việt Nam phát triển, hội nhập khu vực và quốc tế.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật trên cơ sở phải nâng cao nhận thức đầy đủ và đúng đắn hơn nữa vị trí, vai trò của luật sư trong hoạt động tư pháp

Trong thực tế xã hội vẫn còn có tư tưởng hạ thấp vai trò của luật sư và cho rằng luật sư sẽ gây khó khăn cho việc chống tội phạm, giúp cho kẻ phạm

tội trốn tránh trách nhiệm. Quan điểm của những người làm công tác điều tra cho rằng nếu luật sư tham gia từ giai đoạn điều tra thì tạo ra những khó khăn trong việc phát hiện tội phạm, bảo đảm bí mật điều tra, bảo quản chứng cứ v.v. Theo báo cáo kết quả điều tra cơ bản về hoạt động của các cơ quan tư pháp trong việc bảo đảm quyền dân chủ của công dân và trật tự an toàn xã hội do Viện nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp thực hiện ở Hà Nội thì trong số điều tra viên được phỏng vấn có 42,86% số điều tra viên cho là sự tham gia của luật sư vào giai đoạn điều tra là cần thiết, còn 57,47% số điều tra viên cho là không cần thiết [37]. Ngược lại, có ý kiến cho rằng, tội phạm đã rõ ràng thì luật sư không thể bào chữa cho kẻ phạm tội hoặc luật sư là "người giúp việc" cho cơ quan tiến hành tố tụng. Quan niệm như vậy đối với luật sư là trái với quy định của pháp luật và chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta. Sự tham gia của luật sư ở giai đoạn điều tra không chỉ mở rộng những nguyên tắc dân chủ của tố tụng hình sự mà còn nâng cao chất lượng điều tra, tăng cường pháp chế trong giai đoạn điều tra.

Việc bào chữa kiên định, dũng cảm trong vụ án hình sự không những không cản trở mà còn thúc đẩy cuộc đấu tranh chống tội phạm, giúp khắc phục những sai lầm trong việc xử lý vụ án. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo và các đương sự khác bằng những phương tiện hợp pháp luật sư thể hiện vai trò của mình trong việc bảo vệ quyền công dân. Vì vậy, cần có nhận thức đúng về vị trí, vai trò của luật sư trong tố tụng nói riêng và trong xã hội nói chung. Nhận thức đó phải được quán triệt trong các cơ quan nhà nước, trước hết là các cơ quan tiến hành tố tụng và mọi người dân.

Có thể nói, nâng cao nhận thức của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng về vị trí, vai trò của luật sư trong quá trình giải quyết vụ án, tôn trọng luật sư và ý kiến của luật sư, tạo điều kiện thuận lợi cho luật sư thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong các giai đoạn tố tụng là một

trong những nhiệm vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.

Nâng cao nhận thức của cơ quan, tổ chức khác và nhân dân về vị trí, vai trò của luật sư trong xã hội, góp phần tăng tính hấp dẫn nghề nghiệp luật sư, thu hút ngày càng đông đội ngũ cử nhân luật mới ra trường tham gia hành nghề luật sư. Đồng thời, phát triển thị trường dịch vụ pháp lý ở Việt Nam, kích thích nhu cầu sử dụng dịch vụ pháp lý của luật sư từ phía các cơ quan, tổ chức và cá nhân là một trong những mục tiêu của đổi mới quản trị công ty luật.

3.1.3. Nâng cao phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn, tính chuyên nghiệp của luật sư và phát triển đội ngũ luật sư là một trong những yêu cầu trong việc hoàn thiện pháp luật về công ty luật hợp danh

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của luật sư và của công ty luật hợp danh ngoài việc không ngừng hoàn thiện chế định luật sư, nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của luật sư và trách nhiệm của cơ quan nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của luật sư thì cần phải xây dựng đội ngũ luật sư có trình độ nghiệp vụ chuyên môn, tính chuyên nghiệp cao, có phẩm chất đạo đức tốt.

Do đặc điểm, yêu cầu của nghề nghiệp nên tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức đối với luật sư đặc biệt được coi trọng. Yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp rất lớn đối với luật sư trong hành nghề. Dù luật sư hoạt động nghề nghiệp với tư cách cá nhân hay là thành viên trong các công ty luật, Luật sư phải tuân thủ các nguyên tắc như không được bảo vệ cho nhiều khách hàng có quyền lợi đối lập nhau trong một vụ việc, bảo đảm bí mật nghề nghiệp, tôn trọng sự lựa chọn của khách hàng, không kiêm nhiệm...

Hành nghề luật sư là hoạt động đòi hỏi trách nhiệm rất cao. Luật sư phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại vật chất gây ra cho khách hàng do lỗi của mình trong việc tư vấn pháp luật và có nghĩa vụ mua bảo hiểm nghề

nghiệp để bảo đảm thực hiện trách nhiệm đó. Cơ chế bồi thường thiệt hại qua chế độ bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp sẽ chắc chắn hơn, bảo đảm hơn trong việc bồi thường thiệt hại cho khách hàng. Thực tế ở Việt Nam trong thời gian qua, luật sư khi hành nghề không phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp. Pháp luật cũng chưa quy định rõ ai là người phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho khách hàng do lỗi của luật sư. Vì vậy, xảy ra những trường hợp khách hàng bị thiệt hại không biết kiện ai. Một trong những nguyên nhân không làm rõ được trách nhiệm nghề nghiệp của luật sư là pháp luật chưa quy định rõ về trách nhiệm nghề nghiệp của luật sư. Nghề luật sư có nhiều đặc thù và được điều chỉnh không chỉ bằng những quy định của pháp luật mà còn bằng quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư. Đoàn luật sư có trách nhiệm quản trị công ty luật về mặt đạo đức nghề nghiệp và Đoàn luật sư được xem như là "thanh kiếm" để xử lý những trường hợp luật sư vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vừa là công cụ, phương tiện bảo vệ cho luật sư tránh khỏi sự can thiệp, áp lực từ phía người thứ ba khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp.

Tăng cường sự quản lý nhà nước và xác định rõ vai trò tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư mới tạo điều kiện phát triển đội ngũ luật sư Việt Nam nhiều về số lượng, mạnh về chất lượng và phát huy vai trò của họ trong nền kinh tế theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Để phát triển đội ngũ luật sư ở Việt Nam hiện nay đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thì nhà nước cần hoàn thiện các văn bản pháp luật về luật sư và có các biện pháp nhằm hỗ trợ phát triển nghề luật sư. Là cơ quan quản trị công ty luật, Bộ Tư pháp có vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện cơ sở pháp lý, cải tiến nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo nghề luật sư theo hướng tập trung vào kỹ năng hành nghề, kinh nghiệm thực tiễn, kết hợp việc giảng dạy tại

trường lớp với việc thực tập tại các tổ chức hành nghề luật sư, tòa án, viện kiểm sát và cơ quan điều tra, có chế độ trả công xứng đáng để thu hút được đội ngũ luật sư, thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên giỏi tham gia đào tạo nghề luật sư, thường xuyên nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm với nước ngoài. Hỗ trợ các Đoàn luật sư trong việc thường xuyên cập nhật kiến thức pháp luật và bồi dưỡng về kỹ năng hành nghề nói chung, kỹ năng tranh tụng nói riêng, văn hóa ứng xử và đạo đức nghề nghiệp cho luật sư.

3.1.4. Hoàn thiện pháp luật về công ty luật hợp danh phải phù hợp với tính chất nghề nghiệp luật sư và thông lệ quốc tế

Xuất phát từ chức năng xã hội, nhiệm vụ của luật sư ở Việt Nam và theo thông lệ quốc tế thì nghề luật sư là một nghề đặc thù. Luật sư không những chỉ bảo vệ quyền và lợi ích của khách hàng mà còn phải bảo vệ lợi ích công cộng, bảo đảm thực thi pháp luật. Các luật sư hành nghề theo quy định của pháp luật nhưng đồng thời phải tuân thủ quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp và chịu sự quản lý chặt chẽ của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.

Dân chủ thực sự trong tổ chức và hoạt động của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư mới tạo ra được cơ chế tổ chức, quản lý công ty luật hợp danh có hiệu quả. Vì vậy, yêu cầu đặt ra cho nhà nước là cần phải xây dựng cơ chế dân chủ trong tổ chức và hoạt động của tổ chức xã hội - nghề nghiệp luật sư. Đồng thời, chính tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư cũng phải tạo ra cơ chế dân chủ để các thành viên của mình tham gia một cách đầy đủ vào quá trình tổ chức và hoạt động. Việc xây dựng và hoàn thiện CTLHD phải phù hợp với tính chất nghề nghiệp luật sư. Điều đó đặt ra cho nhà nước ta phải xây dựng và thể hiện một cách đầy đủ nguyên tắc kết hợp quản lý nhà nước với phát huy vai trò tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, đồng thời từng bước xã hội hóa quản trị công ty luật phù hợp với điều kiện

phát triển của xã hội.

Trong xu thế hội nhập quốc tế ở tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, đặc biệt là việc Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của WTO, đàm phán, ký kết hơn 10 hiệp định tự do thế hệ mới (FTA) tổ chức hành nghề luật sư, các luật sư ở nước ta không thể đứng ngoài tiến trình đó. Vì vậy, hoàn thiện pháp luật CTLHD nhằm phát triển đội ngũ luật sư ngang tầm với thời đại, tạo cơ hội cho tổ chức và hoạt động luật sư ở nước ta hòa nhập và phát triển trong một mái nhà chung của nghề luật sư là một yêu cầu khách quan, tất yếu.

3.2. Những giải pháp hoàn thiện pháp luật về công ty luật hợp danh

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty luật hợp danh trong nền kinh tế thị trường, việc hoàn thiện pháp luật về công ty luật hợp danh cần thực hiện các giải pháp chủ yếu sau đây:

3.2.1. Những giải pháp chung

Thứ nhất, cần tiến hành rà soát, xem xét để có thể xây dựng và ban hành Luật luật sư năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012). Luật mới về luật sư (thay thế cho Luật luật sư năm 2006, 2012) cần quy định tập trung vào những vấn đề cơ bản sau đây:

- + Nguyên tắc hành nghề luật sư.
- + Quy định chi tiết về cơ sở đào tạo nghề luật sư, nội dung, chương trình đào tạo nghề luật sư tránh tình trạng đào tạo luật sư do một cơ sở đào tạo còn việc cấp giấy chứng nhận lại do một cơ sở khác.
- + Quy định về hình thức hành nghề, hình thức tổ chức hành nghề luật sư. Những quy định hiện nay về tổ chức hành nghề luật sư vẫn mang tính chất chung, thiếu minh bạch và chịu ảnh hưởng nhiều của các chế định pháp luật được quy định tại Luật Doanh nghiệp.
- + Quy định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ

chức luật sư toàn quốc và các đoàn luật sư trong vấn đề nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức hành nghề luật sư.

+ Quy định, hướng dẫn về nội dung và thẩm quyền quản lý về luật sư.

Thứ hai, xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển đội ngũ luật sư, đào tạo luật sư đến năm 2020. Trên cơ sở đánh giá thực tiễn công tác phát triển, hiệu quả hoạt động của công ty luật bao gồm cả việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ luật sư để phát hiện những điểm mạnh, điểm yếu, bất cập cần hoàn thiện. Hình thành quy hoạch tổng thể phát triển đội ngũ luật sư của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các vùng, miền trong thời gian đến năm 2020.

Tập trung đào tạo đội ngũ luật sư là một trong những nội dung rất quan trọng trong sự gia nhập, hoạt động và rút lui khỏi thị trường của CTLHD. Để phát triển đội ngũ luật sư đủ về số lượng, nâng cao chất lượng, tạo ra được đội ngũ luật sư thành thạo về ngoại ngữ thông dụng, giỏi về nghiệp vụ trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế trong giai đoạn hiện nay thì không thể thiếu vai trò của nhà nước. Vì vậy, trong thời gian từ nay đến năm 2020 nhà nước phải là người đảm nhận, có chính sách đầu tư thỏa đáng cho việc đào tạo luật sư. Đồng thời, Nhà nước cũng cần xây dựng lộ trình để xã hội hóa việc đào tạo luật sư.

Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện pháp luật có liên quan đến tổ chức và hoạt động luật sư trên cơ sở xây dựng một khung pháp luật thống nhất, đầy đủ, đồng bộ.

Nghị quyết 08 NQ/TU ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) đã chỉ rõ: "Pháp luật trong lĩnh vực tư pháp chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ và còn nhiều sơ hở. Công tác xây dựng, giải thích, hướng dẫn và tuyên truyền giáo dục pháp luật, trong đó có pháp luật về lĩnh vực tư pháp còn nhiều bất cập và hạn chế". Trong giai đoạn hiện nay, cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện pháp luật nhằm xây dựng một khung pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất

bảo đảm phát huy vai trò và hiệu lực quản lý xã hội bằng pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ, công bằng xã hội ở Việt Nam. Nguyên tắc pháp quyền đòi hỏi cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp và bộ trợ tư pháp đều được tổ chức và hoạt động trên cơ sở một đạo luật do Quốc hội ban hành để đảm bảo tính đồng bộ, ổn định và tính hiệu lực cao. Bên cạnh việc hoàn thiện pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước cần chú trọng đến việc hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực tư pháp để từ đó điều chỉnh và tác động trực tiếp đến chế định luật sư và công tác quản trị công ty luật. Vì vậy, cần phải tiếp tục xây dựng và hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực tư pháp, trong đó cần chú trọng pháp luật về tổ tụng, nhất là những quy định liên quan đến luật sư. Hoàn thiện pháp luật về tổ tụng phải theo kịp, đồng bộ với tiến trình đổi mới pháp luật về nội dung và pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước để bảo đảm có đủ công cụ pháp lý cần thiết cho cơ quan, tổ chức tư pháp thực hiện quyền năng và trách nhiệm của mình cũng như để công dân bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo đúng pháp luật.

Hoàn thiện pháp luật tổ tụng theo hướng bảo đảm các thủ tục tổ tụng dân chủ hơn, tăng cường vai trò của luật sư nhằm thực thi nguyên tắc bình đẳng và tôn trọng quyền con người trong tổ tụng hình sự, bảo đảm nguyên tắc tôn trọng quyền tự định đoạt của các đương sự; thủ tục nhanh gọn đơn giản trong tổ tụng dân sự, thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử; tăng khả năng tranh tụng trong phiên tòa. Pháp điển hóa các văn bản quy phạm pháp luật tổ tụng hành chính theo hướng mở rộng thẩm quyền của Tòa hành chính được xét xử tất cả các vụ khiếu kiện hành chính và cải cách căn bản thủ tục giải quyết các vụ án hành chính phù hợp với điều kiện hiện nay.

Chế định luật sư đã được quy định trong Bộ luật tổ tụng hình sự. Tuy nhiên, do nhận thức chưa thật đầy đủ và do chưa có sự hướng dẫn cụ thể, đồng bộ, thống nhất nên dẫn đến việc luật sư tham gia vào hoạt động tổ tụng

chưa hiệu quả. Một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự còn có nhiều cách hiểu khác nhau dẫn đến việc áp dụng thiếu thống nhất. Đã đến lúc phải xem việc tham gia của luật sư vào quá trình tố tụng hình sự là sự giám sát, phản biện tốt nhất đối với các hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự. Bên cạnh việc làm rõ chức năng buộc tội, chức năng xét xử thì cần phải chú ý đến chức năng bào chữa, trong đó có vai trò của luật sư. Để các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 liên quan đến quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của luật sư khi tham gia tố tụng được thực hiện thống nhất và nghiêm chỉnh trong phạm vi toàn quốc, các cơ quan Công an, Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp cần sớm ban hành thông tư liên tịch hướng dẫn việc luật sư tham gia tố tụng hình sự. Các cơ quan tiến hành tố tụng ở trung ương cũng cần ban hành văn bản hướng dẫn, kịp thời chỉ đạo địa phương thực hiện nghiêm chỉnh các quy định pháp luật về quyền của luật sư đồng thời đảm bảo quyền bào chữa của bị can, bị cáo là nguyên tắc dân chủ trong tố tụng hình sự. Bộ luật tố tụng dân sự đã thể hiện vị trí của luật sư, vai trò của luật sư trong việc đại diện cho khách hàng để bảo vệ quyền lợi của họ trước pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay luật sư khi hành nghề gặp không ít khó khăn, nhất là khi đại diện cho khách hàng tiếp xúc với cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền để giải quyết các vụ việc do khách hàng ủy quyền. Vì vậy, cần thiết phải xây dựng cơ chế thường xuyên giám sát, kiểm tra việc thi hành những quy định của pháp luật tố tụng liên quan đến quyền của luật sư trong hoạt động tố tụng, đồng thời xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm quyền của luật sư trong hoạt động hành nghề. Đoàn luật sư và các cơ quan tiến hành tố tụng xây dựng cơ chế phối hợp thường xuyên để kịp thời giải quyết những đề xuất, kiến nghị của luật sư trong quá trình tham gia tố tụng.

3.2.2. Những giải pháp cụ thể

Một là, Cần quy định cụ thể tính chịu trách nhiệm vô hạn của luật sư –

thành viên công ty luật hợp danh. Theo quy định của LDN tại điều 172 thì thành viên hợp danh chịu trách nhiệm vô hạn đối với các nghĩa vụ tài chính hoặc các khoản nợ. Trong trường hợp khi công ty bị phá sản số tài sản của công ty không đủ thanh toán thì các thành viên hợp danh sẽ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đối với khoản nợ đó. Vấn đề đặt ra là việc tiếp tục trách nhiệm với các khoản nợ của thành viên luật sư trong CTLHD có phải bắt buộc “liên đới” hay không? Căn cứ theo bản chất pháp lý của CTHD, CTLHD thì việc hưởng lợi ích hay chịu rủi ro không nhất thiết phải được xác lập theo tỷ lệ vốn góp mà các thành viên hợp danh có thể thảo thuận việc hưởng lợi hay chịu rủi ro ngang nhau mà không phụ thuộc vào việc góp vốn nhiều hay ít. Tuy nhiên, để đảm bảo sự minh bạch thì cần có quy định về tính chất liên đới vô hạn của các luật sư- thành viên hợp danh CTLHD nhằm hạn chế những xung đột có thể xảy ra.

Hai là, Đội ngũ luật sư cũng như số lượng các tổ chức hành nghề luật sư tại Việt Nam ra đời và hoạt động ngày càng có xu hướng gia tăng. Tuy nhiên, một thực tế cho thấy, chất lượng và năng lực còn ở mức độ khá khiêm tốn. Đặc biệt là trong sự cạnh tranh đối với các tổ chức hành nghề của luật sư nước ngoài khi tham gia các giải quyết các vụ tranh chấp lớn, có yếu tố nước ngoài. Điều đó đòi hỏi cần phải nâng cao chất lượng luật sư không chỉ trên bình diện rộng mà cần phải ở mức độ chuyên sâu, chuyên nghiệp. Việc nâng cao năng lực của luật sư cũng như các tổ chức hành nghề luật sư có thể được thực hiện ở nhiều góc độ khác nhau như: đào tạo nâng cao, giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm,...

Ba là, hiện nay, theo quy định về chương trình đào tạo nghiệp vụ và cấp Chứng chỉ hành nghề và cấp thẻ luật sư cho luật sư có sự tham gia tổ chức, quản lý của nhiều cơ quan khác nhau, đó là Học viện Tư pháp, Bộ Tư pháp, Liên đoàn luật sư Việt Nam,... Vấn đề này có thể dẫn đến sự chồng

chéo, mất nhiều thời gian và đôi khi tạo ra các rào cản. Do đó, một trong những nội dung cần sửa đổi hoặc quy định mới (trong Luật Luật sư mới) là đảm bảo sự thống nhất, minh bạch giữa đào tạo, cấp Chứng chỉ hành nghề và cấp thẻ cho luật sư. Tác giả cho rằng việc đào tạo và cấp thẻ luật sư cho luật sư nên thuộc thẩm quyền của Liên đoàn luật sư Việt Nam có lẽ hợp lý hơn.

Bốn là, cần đổi mới việc thực hiện những vấn đề liên quan đến hoạt động công ty luật, công ty luật hợp danh trong mối quan hệ với các tổ chức xã hội – nghề nghiệp luật sư. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của CTLHD có hiệu quả thì trách nhiệm của nhà nước cần phải cụ thể hóa, luật hóa những nội dung về mối quan hệ giữa luật sư, các tổ chức hành nghề luật sư và các tổ chức xã hội – nghề nghiệp luật sư. Một trong mục tiêu được đặt ra là trong quá trình hành nghề của luật sư độc lập hay các công ty luật có vướng mắc, thậm chí sai phạm thì vai trò của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp của luật sư trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của luật sư, các công ty luật như thế nào? Mức độ đến đâu?

Năm là, trong xu thế hội nhập quốc tế vai trò và vị trí của luật sư, các công ty luật ngày càng được nâng cao. Sự tham gia của các luật sư hay công ty luật của Việt Nam hiện nay hầu như mới chủ yếu dừng lại ở phạm vi nội địa. Thực tế luật sư của Việt Nam tham gia các vụ việc tầm khu vực, quốc tế không nhiều kể cả ở góc độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm. Điều này đặt ra một trong những yêu cầu hiện nay là cần phải tăng cường sự hợp tác giữa luật sư trong nước và luật sư nước ngoài. Trong đó hướng tới sự tham gia hoạt động của luật sư Việt Nam ở nước ngoài đảm bảo về số lượng và chất lượng. Về vấn đề này, các quy định của Luật luật sư đã đề cập nhưng chưa đủ do đó cần cụ thể hơn nữa để đảm bảo sự tham gia của luật sư Việt Nam khi hành nghề ở nước ngoài. Trong đó chú trọng tới các yêu cầu, điều kiện, cách thức và quản lý nhà nước đối với các luật sư.

Sáu là, để đảm bảo hạn chế tối đa sự vi phạm pháp luật, nâng cao hiệu quả của luật sư, công ty luật, ngoài việc tạo sự chủ động, dân chủ trong hoạt động của công ty thì việc các cơ quan nhà nước thường xuyên kiểm tra và xử lý vi phạm một cách triệt để, rõ ràng là điều cần thiết. Nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về luật sư là kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ pháp luật của tổ chức luật sư và hành nghề luật sư. Thông qua việc kiểm tra, thanh tra, một mặt nhà nước phát hiện những bất cập, hạn chế về chính sách, quy định của pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư để kịp thời sửa đổi, bổ sung. Đồng thời, cũng thông qua kiểm tra, thanh tra nhà nước phát hiện và xử lý những vi phạm pháp luật của tổ chức luật sư và hành nghề luật sư. Mặt khác, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức luật sư và hành nghề luật sư là tăng cường sự quản lý nhà nước về luật sư nhằm mục đích giúp tổ chức luật sư và hành nghề luật sư phát triển đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Kết luận chương 3

1. Hội nhập quốc tế là một quá trình phát triển tất yếu, do bản chất xã hội của lao động và quan hệ giữa con người. Sự ra đời và phát triển của kinh tế thị trường cũng là động lực hàng đầu thúc đẩy quá trình hội nhập. Hội nhập diễn ra dưới nhiều hình thức, cấp độ và trên nhiều lĩnh vực khác nhau, theo tiến trình từ thấp đến cao. Hội nhập đã trở thành một xu thế lớn của thế giới hiện đại, tác động mạnh mẽ đến quan hệ quốc tế và đời sống của từng quốc gia. Ngày nay, hội nhập quốc tế là lựa chọn chính sách của hầu hết các quốc gia để phát triển. Vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật về các tổ chức hành nghề luật nói chung, công ty luật hợp danh nói riêng cần đáp ứng những yêu cầu cụ thể, đảm bảo sự tương thích với pháp luật khu vực, quốc tế và phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

2. Trên cơ sở xác định những yêu cầu của việc hoàn thiện pháp luật về CTLHD, vấn đề hoàn thiện pháp luật về CTLHD cần phải được xây dựng với

những giải pháp nhất định. Những giải pháp hoàn thiện pháp luật về CTLHD bao gồm những giải pháp chung và những giải pháp cụ thể như: quy hoạch tổng thể phát triển đội ngũ luật sư, đào tạo luật sư; nâng cao năng lực hoạt động tổ chức hành nghề luật sư ,...

KẾT LUẬN

Cải cách tư pháp nằm trong tổng thể cải cách bộ máy nhà nước và gắn liền với nhiệm vụ xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Mục tiêu của cải cách tư pháp là xây dựng một hệ thống cơ quan tư pháp hoạt động có hiệu quả phục vụ đắc lực cho việc giữ gìn kỷ cương, phép nước, thực hiện công bằng và dân chủ trong xã hội. Phương hướng đổi mới tổ chức và hoạt động luật sư phải được đặt trong tổng thể cải cách tư pháp nói riêng và trong cải cách bộ máy nhà nước nói chung, trên cơ sở quán triệt quan điểm của Đảng về xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.

Qua việc nghiên cứu tương đối toàn diện vấn đề công ty luật hợp danh, tác giả rút ra một số kết luận chủ yếu sau:

Thứ nhất, công ty luật nói chung và CTLHD nói riêng không phải là vấn đề xa lạ, mới trong pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia. Trong đó, việc nghiên cứu về công ty luật hợp danh đã được nhiều học giả nghiên cứu ở những góc độ khác nhau và kết quả nghiên cứu khác nhau tùy thuộc vào mục đích và cách tiếp cận vấn đề. Các nghiên cứu đều khẳng định rằng: sự ra đời, phát triển của công ty luật hợp danh mang tính tất yếu khách quan trong đời sống xã hội.

Thứ hai, Nghề luật sư là nghề tự do, các luật sư hành nghề độc lập theo quy định của pháp luật và quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Nhưng nghề luật sư là một nghề dựa trên sự hiểu biết pháp luật và áp dụng pháp luật, mà chức năng cơ bản là phụng sự công lý và mục đích cao cả của hoạt động tư pháp. Hoạt động của luật sư thông qua các tổ chức hành nghề luật sư, trong đó có CTLHD. Để nâng cao hiệu quả hoạt động của CTLHD trong nền kinh tế thị trường cần nhận diện đúng bản chất pháp lý của công, những yếu tố tác động đến công ty. Công ty luật hợp danh là loại hình công ty với nhiều tính đặc thù từ thành viên, cơ cấu tổ chức, quản lý đến việc phân chia quyền lực,..Quyền

quản lý công ty được giao cho các luật sư. Vấn đề về nguyên tắc hoạt động, cơ cấu tổ chức, quản lý công ty, quyền, nghĩa vụ của luật sư thành viên công ty được quy định trong các văn bản pháp luật từ Pháp lệnh luật luật sư (1987) đến Luật luật sư (2006), sửa đổi, bổ sung Luật luật sư (2012) cùng với các văn bản luật khác liên quan... đã tạo dựng khung pháp lý cho hoạt động của công ty luật.

Thứ ba, Pháp luật về CTLHD đã có quá trình hình thành và phát triển theo các giai đoạn lịch sử nhất định. Pháp luật về CTLHD được thay đổi để phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội trong từng thời kỳ. Tuy nhiên, thực tế cũng chứng minh rằng việc áp dụng các thiết chế pháp luật điều chỉnh công ty luật hợp danh đã bộc lộ những hạn chế, bất cập trên nhiều phương diện khác nhau. Những hạn chế, bất cập đó do các nguyên nhân khác nhau từ nguyên nhân khách quan đến nguyên nhân chủ quan.

Thứ tư, trong điều kiện hội nhập quốc tế, vấn đề hoàn thiện pháp luật về CTLHD là một yêu cầu tất yếu khách quan. Tuy nhiên, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật đó cần đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đặt ra. Với mục đích nhằm phát triển đội ngũ luật sư chuyên nghiệp có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn cao, phát huy vai trò của luật sư trong hoạt động của công ty, tác giả đề xuất những giải pháp cụ thể hoàn thiện pháp luật về CTLHD trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đặc biệt là việc thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ cải cách tư pháp.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công ty VILAF (2007), *Điều lệ công ty VILAF*.
2. Cục Bảo trợ tư pháp (BTP) (2014), *Báo cáo của Cục Bảo trợ tư pháp (BTP) tại Hội nghị triển khai LLS và Chiến lược phát triển nghề LS đến năm 2020, tháng 10/2014*.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội, tr 6.
4. Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Báo cáo số 179/CV-DLS của Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2015 tình hình tổ chức, hoạt động năm 2014 và 9 tháng đầu năm 2015*.
5. FUJITA Satoshi (2006), *Đào tạo nghề luật sư ở Nhật bản, thực trạng và thành thức với các trường đại học ở Nhật bản*, Hội thảo quốc tế về Đồi mới đào tạo sau đại học trong bối cảnh toàn cầu hoá, Hà Nội.
6. Lê Hồng Hạnh (chủ biên) (2002), *Đạo đức & kỹ năng của luật sư trong nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa*, Nxb Đại học sư phạm.
7. Phan Trung Hoài (2003), *Hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hành nghề luật sư trong điều kiện mới ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Tp.HCM.
8. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự*, Hà Nội.
9. Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
10. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng dân sự*, Hà Nội.
11. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*.
12. Quốc hội (2014), *Luật Doanh nghiệp*, Hà Nội.
13. Quốc hội (2014), *Luật Đầu tư*, Hà Nội.
14. Quốc hội (2006), *Luật Luật sư*, Hà Nội.

15. Quốc hội (2012), *Luật Luật sư*, Hà Nội.
16. Quốc hội (2005), *Luật Thương mại*, Hà Nội.
17. Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh (2016), *Báo cáo số 10656/BC-STP-BTTP Ngày 23/12/2016 Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh về Tổ chức, hoạt động của luật sư, hành nghề luật sư trong nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh tính đến tháng 10/2016*.
18. Nguyễn Văn Thảo (2005), *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hành nghề luật sư trong điều kiện mới ở Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
19. Nguyễn Quý Trọng (2015), *Công ty hợp danh – công ty đối nhân đặc thù*, tạp chí Luật học, (số 7).
20. Nguyễn Văn Tuân (2002), *Về sự tham gia của luật sư trong tố tụng hình sự*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, (số 8).
21. Nguyễn Văn Tuân (2005), *Dịch vụ pháp lý ở Việt Nam, thực trạng, nhu cầu và định hướng phát triển*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
22. Nguyễn Văn Tuân (2005), *Cải cách tổ chức và hoạt động Bộ trợ tư pháp trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân*. Đề tài nhánh 05 thuộc Chương trình khoa học cấp Nhà nước, mã số KX 04 giai đoạn 2001 - 2005.
23. Acting for the Client in Custody, James McInerney BEc, LLB *Solicitor of the Supreme Court of New South Wales*, Written July 2003, p5.
24. James C. Freund (1979), *Lawyering, a Realistic Approach to Legal Practice*, Law Journal Seminars-Press, Mỹ.
25. Lincoln Caplan (1993), *Skadden: Power, Money and the Rise of a Legal Empire*, HarperColins, Mỹ.

26. The New York State Bar Assosiation: *The Lawyers Code of Professional responsibility, Adopted by the New York State Bar Assosiation*, Effective January 1, 1970, As Amended Effective January 1, 2002.

27. Brett Cole (2008), *M&A Titans: The Pioneers Who Shaped Wall Streets Mergers and Acquisitions Indutry*, Jonh Wiley & Sons, Mỹ.

28. - George W. Dent Jr (2009), "*BusinessLawyers as Enterprinse Architects*", "BusinessLawyers, Vol 64(2), t279.

29. Trương Phước Sum: *Ra sức đẩy mạnh sự nghiệp luật sư Trung Quốc trong thế kỷ mới phát triển mạnh mẽ*, Nguyệt san Luật sư Trung Quốc.

30. Đặng Xuân Hợp (2012), " *Preparing Law Students for an International Legal Practice: through Law Tutorials*", Seminar on Internationalization of Syllabus and Lawyer Practicing, tháng 11/2012, Bond University, Queensland.

31. International Trade Centre (UNCTAD/WTO) & Ministry of Trade of Vietnam, Report on key multilateral treaties affecting trade not ratified by Vietnam- A Cost/benefit analysis, March 2007, tr.3

32. Bách khoa toàn thư mở Wikipedia, *Thành phố Hồ Chí Minh*, https://vi.wikipedia.org/wiki/Thành_phố_Hồ_Chí_Minh, https://vi.wikipedia.org/wiki/Thành_phố_Hồ_Chí_Minh.

33. Cục Thống Kê Thành phố Hồ Chí Minh , *Niên giám thống kê năm 2011*, <http://www.pso.hochiminhcity.gov.vn/web/guest/niengiamthongkenam2011>, cập nhật ngày 12 tháng 4 năm 2013.

34. Hùng Khoa, *Thành phố Hồ Chí Minh với nhiều chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp*, <http://www.qdnd.vn/thuc-hien-hieu-qua-nghi-quyet-trung-uong-iv-khoa-xii-cua-dang/thanh-pho-ho-chi-minh-voi-nhieu-chinh-sach-ho-tro-phat-trien-doanh-nghiep-524457>, cập nhật ngày 23/11/2017.

35. Luật Hoàng Minh, *Bước tiến trong việc bảo vệ cổ đông nhỏ*, <http://luathoangminh.com/tieu-diem/2678-buoc-tien-trong-viec-bao-ve-co-dong-nho.html>, cập nhật ngày 28-10-2011.

36. Trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư TP.HCM, *Cơ hội cho ngành dịch vụ pháp lý khi Việt Nam gia nhập TPP*, http://itpc.hochiminhcity.gov.vn/exporters/tips_and_tools/tools/checklist_or_manuals/tpp_bo_cong_thuong/bai_phan_tich_tpp/dich_vu_phap_li_khi_vn_vao_tpp/view, cập nhật ngày 03/03/2016.

37. Thanh Tùng, *Cổ đông khởi kiện: Tranh chấp mới, luật còn vương*, <http://phapluattp.vn/20100622121823338p1063c1016/co-dong-khoi-kien-tranh-chap-moi-luat-con-vuong.htm>, cập nhật ngày 22/6/2010

38. <http://www.vca.gov.vn/Web/Content.aspx?distid=6009&lang=vi-VN>, cập nhật ngày 8/10/2013.

39. <http://www.vca.gov.vn/Web/Content.aspx?distid=1603&lang=vi-VN>, cập nhật ngày 7/2/2014.

40. <http://luatminhkhue.vn/quan-tri/thuc-tien-to-tung-co-dong-khoi-kien-tranh-chap-moi--luat-con-vuong.aspx>

41. <http://www.vneconomy.com.vn>, cập nhật ngày 04/9/2013